

MỘT TỔNG LƯỢC VỀ HỆ THỐNG TƯ TƯỞNG NHÂN CHỦ DUY DÂN CỦA NHÀ CÁCH MẠNG THÁI DỊCH LÝ ĐÔNG A

Tư Tưởng và tổ chức cách mạng Nhân Chủ Duy Dân lấy Người làm gốc, lấy dân tộc làm căn bản, tập đại thành Duy Tâm, Duy Vật và Duy Sinh, cơ bản là lý tưởng đi đôi với thực tiễn, tư tưởng đi đôi với hành động, với sứ mệnh Cứu Nước, giữ Nòi, lo cho dân chúng Ấm No, Tự Do, Hạnh Phúc, Hưng Thịnh Quốc Gia, cùng Xây Dựng, Hoà Bình, Ổn Định cho Việt Nam và Nhân Loại.

Hệ thống có hai phần: Hệ thống tư tưởng và hệ thống tổ chức đấu tranh cách mạng.

Hệ thống tư tưởng Nhân Chủ Duy Dân có thể phát triển từ đáy tầng lên, qua các trung tâm diễn giảng, vào bất cứ thời gian nào, hoặc từ thượng tầng xuống, nếu có quyền lực.

Riêng hệ thống tổ chức đấu tranh cách mạng đòi hỏi phải có một nhóm người xuất chúng.

Thái Kinh Dương Hà Thế Ruyệt

Chủ Thuyết Nhân Chủ Duy Dân do Tiên Sinh Thái Dịch Lý Đông A sáng tạo năm 1943 qua Bộ "Đại Việt Duy Dân Thảo Án Quốc Sách Toàn Pho" gồm khoảng 30 tập tài liệu lớn, nhỏ. Hiện nay tại Hoa Kỳ, Ông Đoàn Viết Hoạt đang sưu tập, phổ biến các tài liệu trên, ở trang Web Thăng Nghĩa Lý Đông A <https://thangnghia.org/ly-dong-a/>

Toàn bộ bao gồm các hệ thống Tư Tưởng, Triết Lý, Văn Hoá, giáo dưỡn, quân sự, Kinh Tế, Xã Hội, song song với một tổ chức Chính Trị Đại Quy Mô có khả năng đảm trách sứ mệnh Cứu Quốc, Kiến Quốc, Tồn Chung cho Dân Tộc Việt. Riêng hệ thống tư tưởng, nếu được áp dụng tại Việt Nam, thì từ đó sẽ là mẫu mực xây dựng văn minh toàn bộ tinh thần, vật chất cho Nhân Loại, mà giá trị cao nhất là lấy chính NGƯỜI là gốc, là trọng tâm. Người, tự bản thân là một tổng thể của Vật (thể xác), Tâm (tâm linh, trí huệ), và Sinh (sự sống). Văn minh cao nhất của xã hội người, vượt trên văn minh vật chất là văn minh xây dựng trên cơ bản NHÂN ĐẠO, NHÂN CHỦ VÀ NHÂN TÍNH, theo chỉ tiêu TRINH, BÌNH, HÒA.

Tôi xin trình bày tổng lược hai phần: Phần Tư Tưởng và Phần Tổ Chức Đấu Tranh Cách Mạng.

PHẦN I

TỔNG LƯỢC HỆ THỐNG

TƯ TƯỞNG NHÂN CHỦ DUY DÂN

Vũ trụ hình thành từ bao giờ, đầu qua Sáng Thuyết, giả thuyết "Big Bang" hay Kinh Dịch, hay Vô Cùng Duyên Khởi, Vô Cùng Cứu Cánh, đến nay chưa biết chính xác, nhưng từ khi loài người xuất hiện trên trái đất này, thì chủ quan, loài người thấy mình đứng giữa, như là trung tâm của Trời Đất, tự đặt cho Trời Đất những giá trị theo trình thức của con người.

Nhiều hệ thống tư tưởng, triết lý Đông Tây, các tôn giáo đã ra đời. Nhưng đến nay có ba hệ thống được coi là quan trọng đang mãnh liệt chi phối đời sống con người là Hệ Thống Tư Tưởng Duy Tâm, Hệ Thống Tư Tưởng Duy Vật, và Hệ Thống Tư Tưởng Duy Sinh. Cả Ba, mỗi hệ thống, dành phần thắng, đưa dẫn loài người vào cuộc đấu tranh tàn khốc từ 1917 đến nay chưa chấm dứt.

Duy Dân lấy Người làm gốc. Người tự thân là một tổng thể thống nhất của cả Duy Vật, Duy Tâm và Duy Sinh. Thể xác người bị chi phối bởi các quy luật của vật chất mà phái Duy Vật xiển dương. Tâm linh, trí tuệ người được tác động bởi các quy luật về tinh thần mà phái Duy Tâm thần hóa. Sự sống của người bị vận hành bởi các quy luật mà các sinh vật phải kinh qua.

Duy Dân không những là một tập đại thành của Duy Vật, Duy Tâm và Duy Sinh mà còn là tổng thể của các văn minh con người đã sáng tạo và quá trình xây dựng kinh qua các thời đại, không, thời gian, từ khi xã hội tự tính của người được thành lập đến ngày nay và mãi những ngày sau.

Để chứng tỏ chân lý của Duy Dân, Tư Tưởng Nhân Chủ Duy Dân so sánh các hệ thống Duy Tâm, Duy Vật, Duy Sinh với hệ thống tư tưởng Duy Dân qua ba tiến trình Quy Nạp, Diễn Dịch và Hiệu Quả.

Phần Quy Nạp với hai luận lý: Cơ Bản Lý Luận, và Công Cụ Lý Luận. Cơ Bản Lý Luận so sánh các yếu tố nào là bản thể, là Tối Cao Căn Cứ, yếu tố nào là nguyên khởi, là Tối Định Tiền Đề, và yếu tố nào là Tối Sơ Xuất Phát, xã hội từ đó phát sinh và đi tới cứu cánh. Phần Công Cụ Lý Luận so sánh các Quy Luật Biện Chứng của bốn hệ thống triết lý.

Phần Diễn Dịch là những nhận định về bản thể, gồm hai luận lý: Thuần Túy Lý Luận và Thực Tiễn Lý Luận. Thuần Túy Lý Luận so sánh mỗi hệ thống trình bày Xã Hội Xuất Phát do đâu, Trung Tâm Luật Tắc diễn biến của lịch sử là gì, và Tính của người là thiện, hay là ác, hay là hợp hoá của cả tinh thần lẫn vật chất hay là Vô Kỳ, tự nó là thể, rồi đặt tên sau. Thực Tiễn Lý Luận so sánh các luận điểm về Chính Trị, về cách mạng, về kiến thiết của bốn hệ thống Duy Tâm, Duy Vật, Duy Sinh và Duy Dân.

Phần Hiệu Quả là phương pháp luận, so sánh bốn hệ thống Duy Tâm, Duy Vật, Duy Sinh và Duy Dân về ba luận điểm: Luận về Lịch Sử, luận về Vận Mệnh loài người, luận về Văn minh của loài người.

(Xem *Ám Thị Biểu, Chìa Khóa Thặng Nghĩa, Nền Triết Học Chính Thống*).

Phần Quy Nạp: Hệ thống Nhân Chủ Duy Dân, Cơ Bản Lý Luận, lấy NGƯỜI LÀM GỐC (Tối Cao Căn Cứ). Cho giá trị cao nhất của Người là NHÂN ĐẠO (Tối Định Tiền Đề). Xây dựng xã hội người trên NHÂN TÍNH, khởi đầu với 4 yếu tố của Xã Hội Tự Tính, cùng cuộc sống tư hữu Bình Sản Nguyên Thủy (Tối Sơ Xuất Phát.)

Duy Tâm lấy Tuyệt Đối Tinh Thần hay Thượng Đế làm gốc: Coi Thượng Đế là Toàn Thiện, Toàn Năng phát sinh ra vũ trụ và vạn vật; Vận hành lịch sử theo ý chí tối cao của Thượng Đế.

Duy Vật lấy Vật Chất làm gốc: Coi vật chất là vạn năng, phát sinh ra vũ trụ và vạn vật; Vận hành lịch sử theo quy luật Mâu Thuẫn, giai cấp đấu tranh.

Duy Sinh lấy Sinh Nguyên làm gốc: Sinh Nguyên cấu thành các sinh vật; Vận hành lịch sử theo luật Sinh Tồn, với các nguyên lý Biến Cải và Mạnh Được Yếu Thua.

Cho rằng chủ thuyết Duy Tâm tuy đáp ứng được một phần chân lý, thỏa mãn khát vọng tâm linh của con người, nhưng nhiều khi cũng đưa con người vào vòng vong thân của la võng siêu hình.

Cho rằng chủ thuyết Duy Vật tuy đáp ứng được một phần chân lý đối với vũ trụ khách quan vật chất, nhưng đồng thời cũng tha hóa con người, đồng hóa người với vật chất vô tri, đưa con người vong thân trong vật chất và gây thảm hoạ vô tiền khoáng hậu cho con người bằng sự áp dụng các quy luật thuần túy khách quan vật chất, và mâu thuẫn vào chính con người, khiến con người không còn nhân tính, triển miên giai cấp đấu tranh trong mâu thuẫn hủy diệt.

Cho rằng chủ thuyết Duy Sinh tuy đã đem người trở về với chính mình nhưng đã chỉ chú trọng đến con người cá thể mà không đáp ứng được sinh mệnh người trong toàn thể sinh mệnh xã hội và nhân loại.

Nhân Chủ Duy Dân lấy NGƯỜI làm gốc. Tập đại thành ưu điểm của cả 3 hệ thống Duy Tâm, Duy Vật và Duy Sinh, vì Người có thể chất (vật), tâm linh, trí huệ (Tâm) và sự sống (Sinh). Thân thể Người là Vật Chất, bị chi phối bởi các quy luật trong vũ trụ tự nhiên. Tâm Linh Người gồm tình cảm, trí huệ và ý thức siêu hình vươn lên Thượng Đế. Sự Sống Người như vạn vật, phải áp dụng các quy luật Sinh Tồn. NGƯỜI tự thân là một Tổng Thể của cả VẬT, TÂM, SINH, khai dụng và khai triển cả ba hệ thống.

Duy Dân tập đại thành các hệ thống tư tưởng Đông, Tây, Kim, Cổ, trong đó thống nhất cả ba hệ thống Duy Tâm, Duy Vật, và Duy Sinh.

NHÂN CHỦ DUY DÂN RA ĐỜI NHẪM CHẤM DỨT CÁC MÂU THUẪN NGUY HẠI CỦA DUY TÂM, DUY VẬT, DUY SINH CÙNG ĐƯA LOÀI NGƯỜI VÀO MỘT VĂN MINH MỚI VỀ VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN, HÒA HẢI, NHÂN ÁI, MÃI MÃI TÂN TIẾN THEO DẠNG THỨC XOÁY TRÒN ỐC VƯƠN LÊN TRÊN HƯỚNG TIẾN "NHÂN ĐẠO SƠ KHAI, NHÂN ĐẠO THÀNH LẬP, NHÂN ĐẠO TINH TIẾN VÀ NHÂN ĐẠO ỔN ĐỊNH.

Được gọi là một hệ thống triết học trọn vẹn, hiện thực và sáng tạo vì chủ thuyết Nhân Chủ Duy Dân bao gồm được suốt mặt từ phần căn bản tư tưởng thuộc hình nhi thượng tới phần áp dụng tư tưởng căn bản vào đời sống thực tế nhân sinh thuộc hình nhi hạ để cải tạo thực tiễn xã hội, cùng hiệu quả biện chứng soi sáng viễn kiến tương lai.

Hệ thống triết lý tư tưởng Nhân Chủ Duy Dân đi từ Quy Nạp sang Diễn Dịch tới Hiệu Quả.

Điều đặc biệt, trong phần **Quy Nạp:**

Về Cơ Bản Lý Luận, ở *Tối Cao Căn Cứ*, Duy Dân lấy **Người làm gốc**, bác bỏ chủ trương lấy vật chất làm gốc; Ở *Tối Định Tiên Đề*, Duy Dân lấy **Nhân Đạo** là lẽ sống của người, không coi vật chất là vạn năng; Ở *Tối Sơ Xuất Phát*, Duy Dân nhận ra từ **Nhân Tính và 4 thiên tính của Xã Hội Tự Tính** mà cấu thành Xã Hội Tư Hữu Bình Sản Nguyên Thủy, trong khi Kark Marx lấy xã hội Cộng Sản Nguyên Thủy của các sinh vật, làm cơ bản cho xã hội loài người. Theo Duy Dân, cuộc sống chung chạ, tự nhiên trong thiên nhiên, với loài người chưa phải là xã hội, mà chỉ như các đàn ong, đàn kiến. Xã hội loài người chỉ hình thành khi là một xã hội có nhân tính, có tổ chức và có yêu

thương, đùm bọc nhau, như gia đình, bộ lạc... hướng tới Trinh, Bình, Hoà. Trinh là trung trinh với nhau, lấy tiểu gia đình làm cơ bản. Bình là bình đẳng về cơ hội, nghĩa vụ, quyền lợi; trước là cấp dưỡng nhu yếu, xây dựng xã hội trên cơ bản phân công, phân mệnh, phân hưởng, trong công bản, công lao, công phối, công độ. Bản chất con người là tư hữu tính. Tư hữu căn bản là để bảo vệ tự do, nhân cách, nhưng không được quá độ để tránh áp chế, bóc lột. Hoà là trong cuộc sống chung y cứ trên nhân tính, cùng sống với nhau trong thương yêu, hoà ái. Trinh, Bình, Hoà phải đi chung với Đồng Nhân, Giáo Dưỡng và Kiện Khang Giáo Pháp.

Về Công Cụ Lý Luận, Duy Dân tuy xác nhận Mâu Thuẫn là Quy Luật Biện Chứng trong thiên nhiên, nhưng trong xã hội loài người ở **Thường Thái, thì Quy Luật Hỗ Tương** mới khiến loài người mãi sống, còn, nổi, tiến, hoá. Mâu thuẫn và giai cấp đấu tranh chỉ là bất thường thái, áp dụng vào loài người chỉ đưa đến khổ đau và hủy diệt. Với Duy Dân, mâu thuẫn chỉ xảy ra khi con người chưa làm chủ được chính mình, trong cảnh sống **Bất Thường Thái**, và mâu thuẫn đến độ phải tiêu diệt nhau chỉ xảy ra ở **Phi Thường Thái**, khi cảnh sống đã tới chỗ tột cùng bế tắc, không còn cách nào hơn là phải đứng lên làm cách mạng để thay đổi.

Trong phần **Diễn Dịch**:

Về Thuần Túy Lý Luận, ở Xã Hội Xuất Phát, Duy Dân nhận ra tiến trình xã hội loài người cho đến nay là những thiên lệch về Nhân Tính, con người chưa thể hiện được trọn vẹn lòng Nhân Đạo và chưa đạt tới trình độ Nhân Chủ. Duy Dân bác bỏ nhận định của Marx cho tiến trình xã hội chỉ là do những thế lực và quyền lợi xuất phát từ vật chất mà ra. Ở Trung Tâm Luận Lý, với Duy Dân, lịch sử là cuộc vận hành của các thiên tính của con người như nhu yếu tính, sắc tính, xã hội tính và tự vệ tính thông qua những điều kiện của thời đại và của dân tộc. Lịch sử không vận hành bởi các cuộc đấu tranh không ngừng giữa các giai cấp. Ở Tính Luận, Duy Dân cho tính người lúc sinh ra không thiện, không ác, và có thể cải thiện qua giáo dưỡng, chứ không thuần ác như chủ trương của phái Duy Vật, chỉ có biện pháp trừng trị hay tiêu diệt.

Về Thực Tiễn Lý Luận, Ở Chính Trị Luận, Duy Dân chủ trương **Giáo Dưỡng là khởi điểm và chung điểm của chính trị** và Chính Trị là **sự thiết kế và chấp hành dân sinh**, để luôn luôn tích cực xây dựng, khiến loài người ngày càng thăng tiến hạnh phúc, không như phái Duy Vật, cho chính trị chỉ là những mặt nạ của sự bóc lột giai cấp,

để mãi mãi chuyên chế, kìm kẹp dân chúng. Ở Cách Mạng Luận, Duy Dân coi chủ lực cách mạng là từ **những sáng tạo không ngừng của mọi giới**, để khai thác tài nguyên trong thiên giới và nhân giới, xây dựng nên văn minh vật chất và văn minh tinh thần của nhân loại. Trong khi Cộng sản lấy chủ lực cách mạng từ giai cấp vô sản lao động và vì thiếu kiến thức và sáng tạo, nên xã hội cứ chậm tiến rồi đi đến sụp đổ. Ở Kiến Thiết Luận, Duy Dân lấy **Kinh Tế Tư Hữu Bình Sản, Giáo Dưỡng, Kiện Khang Giáo Pháp, Hôn Nhân Tự Do Bình Đẳng** để xây dựng một xã hội hoà hài, nhân ái, trong khi cộng sản chỉ chú trọng đến kinh tế với quan niệm vật chất vụn vụn.

Trong phần **Hiệu Quả**:

Về Lịch Sử Luận, Duy Dân nhận định lịch sử làm nên bởi sự khám phá ra các thời cơ và nắm giữ được những tính chất đương biến của thời cuộc. Về Vận Mệnh Luận, Duy Dân chủ trương cá nhân phải tự tu dưỡng và xã hội phải được giáo dưỡng để giác ngộ nhân chủ, tiến lên cải thiện, thăng hoa mà tự nắm giữ lấy vận mệnh mình. Về Văn Minh Luận, Duy Dân cho rằng văn minh của loài người do kết quả của những xây dựng trên sự tự giác và trình độ nhân chủ, làm chủ được chính mình, làm chủ được thiên nhiên và xây dựng được một xã hội thịnh vượng, hoà hài, hạnh phúc, đạt được cả ba mục tiêu Trinh, Bình, Hoà. (Xem Ám Thị Biểu, Bình Sản Kinh Tế, Duy Nhân Cương Thường, Thiết Giáo)

NHÂN CHỦ DUY DÂN RA ĐỜI là MỘT TẬP ĐẠI THÀNH CỦA DUY VẬT, DUY TÂM, DUY SINH và các học hiểu của các thời đại cùng với TINH HOA VĂN HOÁ của Dân Tộc Việt

Đặc sắc hơn cả là Nhân Chủ Duy Dân thiết lập Ba Phạm Trù Triết Lý, nêu lên 4 Căn Bản Tiên Đề, và sáng tạo Bản Vị Học Thuyết, cùng một hệ thống Biện Chứng Pháp mới.

I/ Ba Phạm Trù Triết Lý

Là: Phạm Trù Duy Nhiên, Phạm Trù Duy Nhân và Phạm Trù Duy Dân.

Lấy người làm trục, Duy dân phân chân lý thành 3 phạm trù: Duy Nhiên là vũ trụ tự nhiên, Duy Nhân là toàn thể nhân loại, và Duy Dân là xã hội của mỗi dân tộc. Phần Duy Nhiên khám phá ra các quy luật khách quan khoa học của vũ trụ vật chất. Phần Duy Nhân khám phá các quy luật khoa học xã hội của nhân loại. Phần Duy Dân khám

phá các quy luật khoa học của các dân tộc. Ba tầng tuy khác biệt, nhưng cùng hỗ trợ nhau. Hiệu quả là Người tìm cách áp dụng các quy luật ấy một cách thích đáng riêng cho mỗi phạm trù để hạnh phúc người được sung mãn và nhân tính được thể hiện trọn vẹn.

Bản thể của vũ trụ vật chất là vô nguyên. Trong nhận thức người, vũ trụ vật chất là phần thuần túy khách quan, là lý tính thuần túy, là ngoại tăng chân lý.

Loài người trên toàn thể nhân loại là nhất tính, nhất nguyên. Toàn thể loài người có chung một chân lý: tất cả là NGƯỜI, VÌ NGƯỜI VÀ CHO NGƯỜI. Chân lý của Người là chân lý tuyệt đối.

"Loài người là một nhưng dân tộc là nhiều".

Mỗi dân tộc tùy theo chủng tộc, văn hóa, tập quán, lịch sử hoàn cảnh, và trung tâm sống còn (quốc gia) mà hình thành các dân tộc khác nhau. Bản chất dân tộc là đa nguyên, chân lý là tương đối.

"Chủ Nghĩa Duy Dân có ba Phương Pháp Biện Chứng tung hợp thành ba thành phần lớn: Duy Nhiên, Duy Nhân và Duy Dân. Vận dụng biện chứng Duy Nhiên vào Xã Hội Tự Tính, mang luật tắc vũ trụ thông qua gạch Duy Nhân và Duy Dân... có nghĩa là luật tắc vũ trụ thấm thấu qua loài người bị tu chính, và trong sự vận hành có điều kiện hạn định." (Trích Nền Triết Học Chính Thống, tr. 9)

Để hạnh phúc của người thực sự được sung mãn và trọn vẹn, có những quy luật thuộc phạm trù Duy Nhiên khi áp dụng vào Người cần phải được **biến đổi, thích nghi hóa mà không áp dụng nguyên luật**, tuy hữu hiệu về một khía cạnh, nhưng đưa đa số nhân loại vào vòng triển miên đau khổ (Luật Mâu Thuẫn Hủy Diệt, luật mạnh được yếu thua, Luật Phản Ứng Có Điều Kiện v.v...). Cũng như thế, các quy luật Nhân Văn Xã Hội Học khi áp dụng vào mỗi Dân Tộc, cũng phải được thích nghi biến đổi cho phù hợp với nhu cầu và đặc tính của mỗi Dân Tộc sao cho dân Tộc ấy thấy mình có Hạnh Phúc (Các Quy Luật sinh hoạt đang áp dụng tại Mỹ hay Nga, không thể áp dụng nguyên vẹn cho Việt Nam, hoặc nước khác... hay ngược lại).

Phân Ba Tầng Triết Lý, Nhân Chủ Duy Dân triết tiêu được sự tai hại phi nhân của Chủ Nghĩa Marx áp dụng quy luật "Vạn Vật Mâu Thuẫn", "Phủ Định Phủ Định Thế" của Thiên Nhiên vào Xã Hội Người qua Giai Cấp Đấu Tranh, Cách Mạng Thường Trực, giết hại không biết bao nhiêu sinh mạng. Theo Nhân Chủ Duy Dân, Biện Chứng "Mâu Thuẫn, Phủ Định Phủ Định Luật" trong Thiên Nhiên, vào xã hội loài người chuyển thành "Hỗ Trợ Nguyên Nhân" khiến xã hội Người được

sống Hoà Hài, Nhân Ái, theo hướng đi lịch sử của nhân loại qua diễn trình Nhân Đạo Sơ Khai, Nhân Đạo Thành Lập, Nhân Đạo Tinh Tiến, và Nhân Đạo Ổn Định.

II/ 4 CĂN BẢN TIỀN ĐỀ

Người, tự thân là một tổng thể của Vật (thể chất), Tâm (tình cảm, tâm thức, trí huệ) và Sinh (sự sống). Người cũng gồm 3 yếu tố Nhiên (Cơ thể từ nguồn gốc vũ trụ tự nhiên), Nhân (Tự thân là Người), Dân (Tự thân là thành phần trong xã hội dân tộc). Nên các yếu tố nêu trong mỗi tiền đề sau đây là cùng thống nhất.

1/ Tự Nhiên, Xã Hội, và Tư Tưởng Thống Nhất. Người là thành phần của tự nhiên, phải vận dụng tự nhiên để cùng sống trong xã hội dân tộc và đồng thời Người phải xử dụng suy tưởng, sáng kiến để khai thác thiên nhiên, phát triển xã hội, xây dựng văn minh tinh thần và vật chất. Ở Người, cả ba phạm trù đó cộng thông với nhau; cùng song song thống nhất vận động, kết hợp, lưu hành, diễn tiến. Đó là **Căn Bản Nghĩa.**

2/ Đạo Học, Khoa Học, và Sử Học Thống Nhất. Đạo học tìm tòi cái trung tâm vận động của xã hội về tâm lý, luân lý, triết học, lý học. Nó là phần "Mềm" (soft Ware), là suy động lực của hành động, của thể hiện, thực hiện. Khoa học khảo cứu các quy luật khách quan, sự thực, của vạn vật trong vũ trụ tự nhiên để phục vụ loài người theo Đạo học. Sử học nghiên cứu các quy luật vận động của xã hội trong quá trình tích lũy kinh lịch của loài người quá khứ, hiện tại và tương lai. Ba môn học là 3 mặt cùng cộng thông, thống nhất trong sự xây dựng sinh mệnh, văn minh của loài người. Đó là **Căn Bản Học.**

3/ Bản Thể Luận, Nhân Thức Luận, Phương Pháp Luận Thống Nhất. Về triết học, Bản Thể Luận suy cứu những cội gốc, nguyên lý và cứu cánh của sự, vật. Nhân Thức Luận, luận về mối tương quan giữa những khách quan và suy tưởng chủ quan của loài người về các sự, vật. Phương Pháp Luận suy cầu những đường lối, cách thức đưa dẫn tư tưởng và kiến lập tư tưởng để tiến tới hành động, thực hiện mục đích của loài người trong sự vận dụng sự vật. Ở Người, Cả 3 tiến trình cùng thống nhất. Đó là **Căn Bản Luận.**

4/ **Duy Tâm, Duy Vật, Duy Sinh Quan Thống Nhất**. Người, tự thân là một tổng thể của Vật, Tâm, Sinh. Các quan điểm triết lý về Duy Tâm, Duy Vật, Duy Sinh đều bình hành thống nhất và áp dụng cho Người, không thể thiên lệch về riêng một quan điểm. Đó là **Căn Bản Quan**: áp dụng trong Dân Sinh Thực Hiện Quan.

III/ Bản Vị Học Thuyết

Là một Học Thuyết cắt nghĩa sự hình thành, kết cấu và vận động của các bản vị. Bản Vị là đơn vị cơ bản, tự nó có khả năng tự tồn và tự phát triển. Các Đơn Vị Cơ Bản nguyên thủy, tự triển khai, hỗ tương vận động, kết hợp, hình thành các bản vị lớn hơn, và lần lượt lớn hơn mãi thành vũ trụ, vạn vật, qua các quy luật Tự Kỳ, Ý Tha, Động Tha và các biện chứng, nhất là biện chứng "Bản Vị và Cơ Năng Hỗ Tương Nguyên Nhân". Trong tiến trình vận động, kết hợp, bản vị nhỏ trở thành cơ năng của bản vị lớn. Các bản vị và cơ năng cùng nhau hỗ tương trong tiến hoá. Mỗi Bản Vị có một Trung Tâm Bản Vị, một sức quy tâm, một sức ly tâm, bình hành đối lập thống nhất trong nội tại bản vị, suy động thành các xu hướng Hướng Tâm, Hướng Tha, và Hướng Thượng, vận động qua biện chứng riêng, sinh hoạt khác nhau, trong các biện chứng chung.

Bản Vị trong Nhiên Giới: các nguyên tử vận động, kết hợp thành phân tử. Các phân tử kết tập nhau trong vô cùng nguyên khởi, vô cùng cứu cánh mà thành vũ trụ, vạn vật từ nhỏ thành lớn, và trong quá trình thời-không, dần tiếp tục thành lớn hơn lên mãi. Bản vị nhỏ thành cơ năng của bản vị lớn, cứ thế tiếp tục suy động vận động mà kết hợp cơ năng thành bản vị, rồi bản vị thành cơ năng, tuần tự liên tiếp tiến lên. Bản Vị và Cơ Năng hỗ tương vận động tiến lên tới đâu thì Trung Tâm Bản Vị tiến lên tới đó, song song với cường lực của các sức quy tâm và ly tâm.

Bản Vị trong Nhân Giới: cá nhân và gia đình: Nam và nữ mỗi người là một Bản Vị hoàn toàn khác biệt nhau. Hai người cùng tương cảm, tương ứng kết hợp nhau, lập gia đình, sinh con. Gia đình là bản vị lớn hơn. Các bản vị vợ, chồng, các con trong gia đình, trở thành các cơ phận của gia đình. Toàn gia đình bản vị, và các cơ năng cá nhân hỗ tương vận động xây dựng bản vị gia đình cho sung túc. **Bản Vị và Cơ Năng Hỗ Tương nhau**. Mỗi Bản Vị, cá nhân, gia đình, có một quy luật

sống chung và riêng của mình tùy hoàn cảnh, một cách thích đáng, vợ có cách sống của vợ, chồng có cách sống của chồng, các con mỗi con có một cách sống riêng, nhưng tất cả đều chung cách sống gia phong của cả gia đình. Riêng, chung cùng hoà hợp để trong mỗi không, thời gian nào cũng tự thấy sống trong thoải mái, an bình, *tự do, tự tại*, và tối đa hạnh phúc. Theo Duy Dân, mỗi Bản Vị: Chồng, vợ, mỗi người con, được sinh ra và cấu thành bởi các yếu tố Tiên Thiên, như di truyền, hoàn cảnh gia đình, không, thời gian, quang năng trời đất; và Tự Thành như cảnh giàu, nghèo, anh em, bạn bè, trường, thầy, sách vở hấp thụ, kinh lịch khác nhau, nên mỗi người vận động theo một biện chứng riêng thích hợp khác nhau, rất đa nguyên, do đó, có "Vô Cùng Biện Chứng Pháp". Cũng như thế, mỗi gia đình đều có cách sống riêng của gia đình mình, ngoài một số quy luật Biện Chứng chung, còn có các biện chứng riêng. Nguyên lý "Vô Cùng Biện Chứng Pháp" phản ảnh quyền mỗi cá nhân, mỗi gia đình được sống trong tự do trước tập thể, bảo toàn được trọn vẹn *nhân quyền và nhân vị* của chính mình, trong khi cùng đồng hành tiến lên trong các cộng đồng xã hội Dân Tộc, Nhân Loại. Cá thể và tập thể tuy đối lập mà thống nhất. Khi thành lập bản vị lớn hơn là gia đình, bản vị *cá nhân vẫn còn nguyên vẹn như cũ*.

Dân Tộc Bản Vị: Các gia đình hỗ tương vận động, kết hợp mà thành dân tộc. Khi hình thành Bản Vị Dân Tộc, các gia đình trở thành cơ năng của Dân Tộc, cùng Dân Tộc hỗ tương xây dựng để Dân Tộc, các Gia Đình và Cá Nhân thịnh vượng. **Bản Vị và Cơ Năng Hỗ Tương nhau.** Khi thành lập bản vị lớn hơn là Dân Tộc, các gia đình, các *cá nhân vẫn còn nguyên vẹn như cũ*. Trung Tâm Bản Vị của Dân Tộc là Quốc Gia.

Nhân Loại Bản Vị: Nhân loại khởi nguyên hình thành do Xã Hội Tự Tính, với 4 tiên thiên tính: Nhu Yếu Tính, Sắc Tính, Xã Hội Tính và Tự Vệ Tính, song song với sự triển khai của Nhân Tính qua tiến trình Nhân Đạo mà thành lập ra gia đình, thị tộc, bộ lạc, chủng tộc, rồi dân tộc. Các dân tộc biến thành các cơ năng hình thành nhân loại. Trung Tâm Bản Vị của Nhân Loại là Xã Hội Nhân Tính, với các xu hướng Hưởng Tâm, Hưởng Tha, Hưởng Thượng của cả loài người. Nhân loại không thành hình bởi các giai cấp. Các Dân Tộc hợp lại hình thành Bản Vị Liên Hiệp Quốc. Các Dân Tộc là cơ năng của *Bản Vị Liên Hiệp Quốc*, trên nguyên tắc, cùng hỗ tương nhau xây dựng hoà bình thịnh vượng chung. **Bản Vị và Cơ Năng Hỗ Tương nhau.** Khi thành lập bản vị lớn hơn là Liên Hiệp Quốc, các Dân Tộc, các gia đình, các cá nhân

vẫn còn nguyên vẹn như cũ. *Đại Đồng Trong Tiểu Dị. Không có Dân Tộc, gia đình, cá nhân nào bị xóa bỏ.*

Hiệu năng lớn lao của Bản Vị Học Thuyết là sự áp dụng Bản Vị Học Thuyết vào tổ chức xã hội với biện chứng Bản Vị và Cơ Năng Hỗ Tương Nguyên Nhân, và trong biện chứng chung của bản vị, có biện chứng riêng của mỗi cơ năng, khiến cá nhân và tập thể cùng hỗ tương, hoà hài, tự do để cùng chung tiến bộ. *Đó là một chế độ thực sự đa nguyên, thực sự tự do, thực sự dân chủ, bảo vệ trọn vẹn, đầy đủ Nhân Quyền và Dân Quyền.*

IV/ TỪ BA PHẠM TRÙ NHIÊN, NHÂN, DÂN VÀ BẢN VỊ HỌC THUYẾT, DUY DÂN ĐỀ RA 5 BIỆN CHỨNG VÀ MỘT SỐ QUY LUẬT

❖ **5 Biện chứng căn bản của Duy Dân gồm:**

1) Đạo Kỳ là Tự Kỳ nguyên nhân, là vô sai biệt phạm trừ.

Đạo là Đường Đi, khởi từ cái Uyên Nguyên, cái Bản Thể của Sự, Vật và khai triển ra qua các vận động và kết hợp từ Bản Thể ấy.

Kỳ là Tự Mình. Đạo kỳ là Các Quy Luật, các giềng mối, các cách thức, đường lối phát tiết, vận động, biến chuyển của Bản Thể được phát sinh trên đường diễn hóa là do chính từ Bản Thể ấy.

Tự Kỳ Nguyên Nhân là do bởi tự mình, do mình mà có, do mình mà ra, là nguyên nhân tự mình.

Nguyên lý ấy là Vô sai biệt phạm trừ, áp dụng cho cả ba phạm trừ Duy Nhiên, Duy Nhân và Duy Dân.

2) Vận Động với Kết Hợp Hỗ Tương Nguyên Nhân, Suy Động thành Vận Động.

Các bản vị khi vận động, gặp gỡ nhau, kết hợp thành các bản vị mới. Các vận động đi đến các kết hợp. Vận động là nguyên nhân của kết hợp. Các kết hợp tiếp tục phát sinh các vận động. Kết hợp là nguyên nhân của vận động. Vận động và kết hợp hỗ tương nhau. Mỗi Bản Vị khi tự hình thành, có riêng tự nó một tính đặc thù (Hydro, Oxy, Nam, Nữ) và sẵn có riêng tự nó một trục lõi, một trung tâm Bản Vị (Trục của trái đất, Bản Ngã của con người).

Quanh trục lõi, các Bản Vị tự phát sinh một sức quy tâm, một sức ly tâm (Ở trái đất là sức hút và sức đẩy. Ở Người là sự hướng tâm, hướng tha và hướng thượng).

Các sức Hưởng Tâm vận động và Hưởng Tha vận động phát sinh cùng lúc, vừa tạo ra sự củng cố, bảo toàn, phát huy nội lực, vừa tạo ra sức vươn tới, phóng ngoại. Cả hai vừa tạo ra sự đối lập vừa tạo ra sự thống nhất trên trục lõi, Hỗ Tương tác động nhau, phát sinh tình trạng Đối Lập Thống Nhất trong Kết Hợp, tại mỗi Bản Vị - để tạo nên một Quân Hành Trạng Thái ở mỗi Bản Vị - khiến Bản Vị tồn tại và tiến hoá.

3) Bản Vị và Cơ Năng là Hỗ Tương Nguyên Nhân.

Mỗi bản Vị trong tiến trình vận động, kết hợp với các Bản vị khác để lập nên một Bản Vị Tập Đại Thành mới lớn hơn (Oxy+Hydro = nước H₂O hay Nam+Nữ = Gia Đình). Khi Bản Vị mới được thành lập (Gia đình, nước), thì các Bản Vị nhỏ, thành phần của kết hợp (nam, nữ, hay Oxy, Hydro) trở thành bộ phận hay cơ năng thành phần của Bản Vị Tập Đại Thành mới.

Mỗi vận động, mỗi hành vi của Cơ Năng lại chính là mỗi vận động, mỗi hành vi của Bản Vị.

Ngược lại Bản Vị (Thí dụ: Gia Đình) khi vận động lại Hỗ Tương, phù trợ cho các Cơ Năng (Vợ, Chồng, Con cái), đưa đẩy Cơ Năng vận động trong vị thế vững vàng, hiệu năng hơn.

Hỗ tương là nguyên nhân của sự vận động và kết hợp giữa Cơ Năng và Bản Vị.

4) Hỗ Tương Nguyên Nhân là Tự Kỳ Nguyên Nhân. Đó là chân ý nghĩa của Đạo Kỳ.

Quy luật Hỗ Tương có nguồn gốc ở tự nó, tự kỳ nguyên nhân, tự nó nó có, tự nó chứa sẵn trong mỗi Bản Vị để tồn tại và phát triển, cũng chính nhờ đó mà vũ trụ, vạn vật tồn tại và phát triển.

Quy luật Hỗ Tương giữa Bản Vị và Cơ Năng, giữa vận động và kết hợp là quy luật tự nhiên trong vũ trụ, vạn vật, nhờ đó mà vũ trụ vạn vật tồn tại; không tan rã.

Quy luật Hỗ Tương Nguyên Khởi ấy chính là Bản Chất của Đạo, là giếng mỗi, là chân ý nghĩa của Đạo khi Đạo tự phát tiết vận động. Tại mỗi Bản Vị khi Vận Động, sức Hưởng Tâm, sức Ly Tâm cũng tự vận động hỗ tương điều hợp để đạt trạng thái quân bình trên trục lõi, để tồn tại, để phát triển và để kết hợp.

Nếu mâu thuẫn phát sinh, trạng thái quân hành không đạt được thì Bản Vị hoặc sẽ tan rã, hoặc tồn tại bệnh hoạn, è uột, héo mòn, trước khi tan rã.

5) Tự Kỷ, Ý Tha, Đồng Tha Hồ Tương Vận Động và Kết Hợp.

Cái quá trình Hồ Tương Nguyên Nhân được suy diễn thành Công Thức Biện Chứng:

<Ý Tha->

<-Đồng Tha>

<-Tự Kỷ->

Tự kỷ là tự mình; Ý Tha là dựa vào cái khác; Đồng Tha là cùng với cái khác. Cả ba cùng tác động lẫn nhau, Hồ Tương lẫn nhau Vận Động và Kết Hợp mà thành vạn vật.

Đó là chân ý nghĩa của Đạo Kỷ.

Đó cũng là Uyên Nguyên của sự hình thành, kết cấu, vận động của các Bản Vị trong Vũ Trụ, vạn vật và nhân loại.

❖ 4 QUY LUẬT CHÍNH:

1) Tinh Thần với Vật chất là Hồ Tương Nguyên Nhân.

Tinh thần với vật chất, tâm với vật, nhiệt thành với kết quả, tính tình với hành động, thể với dụng, biết với làm, năng với lực, chất với lượng, tất cả những tương đối phạm trù đó hồ tương với nhau. Tinh thần càng đầy đủ, sung mãn, diệu dụng, vật chất càng bền chặt, linh hoạt kết quả hiệu năng càng lớn. Đó là chân ý nghĩa của sinh mệnh.

2) Xã Hội với Tự Nhiên Đối Lập Thống Nhất.

Marx chỉ thấy đối lập trong tự nhiên, và đối lập trong loài người, mà không thấy cái đối lập giữa loài người với tự nhiên và cái thống nhất giữa loài người với tự nhiên. Loài người với tự nhiên có những xung khắc, nhưng cũng có những hồ tương, chế hoá lẫn nhau, nên tuy đối lập mà thống nhất. Người chủ động trước tự nhiên. Người duy trì cái trung tâm sinh mệnh của mình. Đó là chân ý nghĩa của loài người.

3) Cá Thể với Toàn Thể Đối Lập Thống Nhất.

Cá nhân cần tự do, tối đa quyền lợi; trong khi tập thể đòi hỏi kỷ luật và quyền lợi chung. Nhưng trong xã hội, cá nhân là những cơ năng làm nên tập thể xã hội, và xã hội là Bản Vị của các cá nhân hợp thành. Bản Vị và Cơ Năng cùng hồ tương lẫn nhau để cùng giúp nhau tồn tại, phát triển và thịnh vượng. Cá Thể với Toàn Thể như thể là Đối Lập Thống Nhất. Dân Tộc Bản Vị với Nhân Loại Bản Vị cũng theo nguyên lý hồ tương đó giữa cơ năng và bản vị. Đó là chân ý nghĩa của Dân Tộc.

4) Thời Gian Với Tiến Hoá Đối Lập Thống Nhất.

Mỗi thời gian trong quá trình vận động của những ngày qua, phải hình thành một kết hợp hôm nay, gọi là hiện đại. Hôm nay tiến bộ hơn những ngày qua. Hiện đại tiến bộ đối lập với quá khứ chậm tiến. Từ hiện đại lại tiếp tục thăng tiến lên mãi mãi, hình thành những tương lai tốt đẹp mãi hơn lên. Những tương lai là thành quả của những kết hợp của những quá khứ và hiện tại qua các thời gian. Thời gian và tiến hoá là đối lập thống nhất. Cho nên bảo thủ với tiến hoá là đối lập thống nhất. Cách mạng y cứ trên nguyên tắc đó mà hình thành và tạo nền móng cho kiến thiết. Đó là chân ý nghĩa của Cách Mạng.

V/ XÂY DỰNG NHÂN LOẠI VÀ DÂN TỘC QUA CÁC CHÍNH SÁCH TAM NHÂN, VÀ LỤC DÂN TIẾN TỚI XÃ HỘI BÌNH ĐẲNG QUA CÁC CHÍNH SÁCH TƯ CÔNG, TAM PHÂN VÀ GIÁO DƯỠNG

TAM NHÂN: Nhân Bản, Nhân Chủ, Nhân Tính hay Nhân Đạo, Nhân Sinh, Nhân Cách.

LỤC DÂN: Phục Hưng Dân Tộc, Phát Dương Dân Đạo, Sáng Hoá Dân Văn, Quảng Đại Dân Sinh, Chính Sức Dân Trị, Trọn Vẹn Dân Vực.

Tứ Công: Công Bản, Công Lao, Công Phối, Công Độ.

Tam Phân: Phân Công, Phân Mệnh, Phân Hưởng.

(Xem *Bình Sản Kinh Tế* trong phần Quảng Đại Dân Sinh trang 17 phía dưới)

Giáo Dưỡng: "*Giáo Dưỡng là Chính trị Khởi Điểm và Chung Điểm.*"

Giáo dưỡng là tiến trình của biện chứng Thủ Tạo, Kế Tạo và Thành Tạo (T.D. Lý Đông A, Thiết Giáo, trang 23).

(Xem chi tiết trang 22 phía dưới)

Duy Dân lấy Người làm gốc, lấy Nhân Đạo làm Tối Định Tiên Đề, Trung Tâm diễn tiến của văn minh Nhân Loại qua các tiến trình Nhân Đạo Sơ Khai, Nhân Đạo Thành Lập, Nhân Đạo Tinh Tiến tới Nhân Đạo Ổn Định:

"Loài người phải đứng trên cái nền tảng của loài người mà giải quyết vấn đề của loài người,"

(Xem *Duy Nhân Cương Thường, Thiết Giáo, Chu Tri Lục, Lập Học, Đồng Nhân*).

I. CHÍNH SÁCH TAM NHÂN

A- Nhân Bản, Người là gốc: là tối cao căn cứ.

Nhân chủ Duy Dân lấy Người làm gốc.

Lấy Người làm gốc thì đối tượng tối cao của Người phải là Người.

Người là nguồn gốc và đồng thời là cứu cánh của xã hội Người, của mọi sinh hoạt, định chế, hiến pháp, luật pháp, tổ chức.

Nhân bản là lấy loài NGƯỜI làm gốc, làm căn cứ tối cao; lấy giá trị độc đáo và cao nhất của người là NHÂN ĐẠO.

Nền tảng xây dựng nhân đạo cho loài người phải căn cứ trên Duy Nhân Cương Thường.

Lấy người làm gốc thì các sự, vật khác ngoài người sẽ là phụ. Cho nên sứ mệnh của người trong xã hội là phục vụ Người, vì Người, cho Người mà không vì sự, vì vật.

“Phải cả người khác với loài người đều là mục đích. Người đứng trước người là thần thánh” (Thái Dịch Lý Đông A, *Huyết Hoa*, trang 19). Người trở về Người và cởi bỏ mọi thứ vong thân.

B- Nhân Đạo, Tiên Đề Tối Định:

Người là tối cao căn cứ thì giá trị độc đáo và cao nhất của người là NHÂN ĐẠO, nên Nhân Đạo là tiên đề, là tiêu chuẩn cao hơn vật chất, để xây dựng văn minh cho xã hội người.

Vật chất là tối cần thiết cho con người, con người trước hết phải được tổ chức sao cho được sống trong bình quyền ấm no, dồi dào phương tiện. Nhưng văn minh vật chất chưa đủ để NGƯỜI SỐNG THỰC LÀ NGƯỜI CÓ HẠNH PHÚC, nếu không có lòng Nhân Đạo để xã hội người được thiết lập trong hoà ái, yêu thương, bảo vệ, giúp đỡ lẫn nhau.

Tinh thần nhân đạo của người phát triển theo tiến trình Nhân Đạo Sơ Khai, Nhân Đạo Thành Lập, Nhân Đạo Tinh Tiến, đến Nhân Đạo Ổn Định.

Khi người khởi hiện hữu, như các động vật khác đã có bản năng yêu thương, đầu tiên là yêu thương giữa cha mẹ, con cái, đến vợ chồng. Với Người, từ lòng nhân sơ khai tình yêu thương lan sang đến anh em, thân thuộc, đàn nhóm, bộ lạc, chủng tộc, dân tộc, và ra xa hơn tới đồng loại. Tình yêu thương TỰ TÍNH đó là tình **NHÂN ĐẠO SƠ KHAI**.

Khi Người biết sống với nhau thành Đoàn, xã hội người bành trướng và từ TỰ VỆ TÍNH, Người bắt đầu có tổ chức, phân công, và đặt ra các phép tắc đối đãi tử tế, công bằng với nhau, che chở người yếu

trong tổ chức, trong khi vẫn tìm mọi cách để cùng nhau sinh tồn. Giai đoạn đó được coi là giai đoạn **NHÂN ĐẠO THÀNH LẬP**.

Từ khi các quốc gia được thành lập, nhiều sáng tạo lại được áp dụng, nhiều tư tưởng mới được phổ biến, nhiều luật lệ được ban hành nhằm tới Tự Do, Công Bằng, Bác Ái. Ngoài các chế độ độc tài, chuyên chế, con Người làm cách mạng, chuyển từ các chế độ Phong Kiến sang Quân Chủ Lập Hiến, sang Dân Chủ Tam Quyền Phân Lập Đại Nghị Chế hay Tổng Thống Chế, ban hành các Hiến Chế, Hiến Pháp tôn trọng Nhân Quyền, Dân Quyền. Các quốc gia lại liên minh với nhau để bênh vực giúp đỡ nhau, chống sự xâm lược. Liên Hiệp Quốc được thành lập để bảo vệ kẻ yếu, bảo vệ Nhân Quyền, bảo vệ Hòa Bình và giúp đỡ lẫn nhau. Chúng ta đang ở giai đoạn **NHÂN ĐẠO TINH TIẾN**.

Nhân Chủ Duy Dân ra đời để xây dựng THỜI ĐẠI **NHÂN ĐẠO ỔN ĐỊNH**.

C- Nhân Tính

Vật chất phát sinh ra vũ trụ, nhưng xã hội loài người thành lập bởi Xã Hội Tự Tính và Nhân Tính của con người. Người là một tổng thể của thể chất, tâm linh và sự sống.

Người làm chủ mình, làm chủ vũ trụ vật chất để phục vụ người.

Để phục vụ Người cho thực có hạnh phúc thì phải lấy nhân tính làm xuất phát điểm và nền tảng cho việc thành lập xã hội, để tiến hành đời sống thực tế Người trong xã hội Người (Xem *Chu Tri Lục 6* và *Triết Học Chính Thống*).

Muốn xã hội người có hạnh phúc thì nhân tính phải là yếu tố nền tảng cho mọi kiến thiết nhân sinh. Vật chất, kinh tế chỉ là một trong các yếu tố trong cuộc sống nhân sinh.

Vì “xã hội người chính là một tổ chức có nhân tính”.

Xã Hội Tự Tính khởi thủy của xã hội loài người gồm nhân tính với 4 thiên tính:

Nhân Tính là tính biết suy tư, sáng tạo, yêu thương, đùm bọc, và khả năng tu chính thiên tính hướng tới 3 mục tiêu TRINH, BÌNH HOÀ:

(1)- Nhu yếu tính (nhu cầu ăn, ở, mặc...).

(2)- Sắc tính (tình nam nữ, vợ chồng, nhu cầu truyền giống).

(3)- Xã hội tính (nhu cầu cộng tác, hợp đoàn, trao, truyền).

(4)- Tự vệ tính (nhu cầu sống còn trước ác thú, thiên nhiên).

Bởi Nhân Tính với 4 thiên Tính trên mà con người hình thành xã hội.

Xã hội người từ khi thành lập, cơ bản phải đáp ứng được sự mãn thích bốn yếu tính căn bản cho mọi thành viên. Trong tiến trình của xã

hội, bốn yếu tính được mẫn thích khi nhu yếu phẩm được phân chia bình đẳng (Bình). Vợ, chồng là của riêng nhau, không bị chung chạ, hiếp đáp, gia đình, nòi giống được bảo vệ (Trinh); và người người không ai bị áp bức, bóc lột mà cùng được bảo vệ, được sống với nhau một cách yên lành, hòa ái thân mật, tương trợ, giúp đỡ nhau (Hòa). *Trinh, Bình, Hòa là 3 cứu cánh và mục đích của xã hội nhân sinh để cơ bản nhân tính được tối đa thỏa mãn.*

"Lịch sử là cuộc vận hành của Xã Hội Tự Tính thông qua nền tảng và điều kiện đặt định bởi thời đại và dân tộc." Nó không phải là những giết chóc không ngừng của giai cấp đấu tranh.

(Xem *Ám Thị Biểu, Chìa Khoá Thặng Nghiã, Bình Sản Kinh Tế, Duy Nhân Cương Thường*).

"Cuộc đấu tranh để tiến lên Nhân Chủ là cuộc đấu tranh hết sức gay go: *"Chỉ có cuộc thánh chiến giữa Phật và tinh, ma khi (Phật) thắng mới mang được đến ánh sáng và thanh thoảng cho loài người"* (Thái Dịch Lý Đông A, *Huyết hoa*, trang 27).

Thực hiện Tam Nhân phải thông qua **Luc Dân**.

II/ XÂY DỰNG QUỐC GIA: CHÍNH SÁCH LỤC DÂN

1/ Phục Hưng Dân Tộc

"Dân tộc là bản thể sống còn trên chính trị quốc tế."

"Mỗi nòi giống có một trung tâm sống còn, đó là quốc gia. Quốc gia do tự nòi giống ấy quản lý lấy và do quyền nhân dân xử trí lấy công việc."

Mỗi dân tộc có chủ quyền siêu nhiên, có tư cách lịch sử bình đẳng quốc tế, có quyền lợi đương nhiên trên quốc dân mình, có cơ hội, nghĩa vụ và quyền lợi đối với quốc tế trong cương thường của loài người.

Mỗi dân tộc đều có quyền được phục hưng dân tộc mình và có quyền được sống an vui trong nhân loại.

Các Dân tộc đã bị linh lạc phải được phục hưng lại.

Dân Tộc Việt đã bị linh lạc trong suốt quá trình lịch sử. Tới nay, qua thời Bắc thuộc, Pháp thuộc, rồi Cộng sản thống trị, Văn hoá, ngôn ngữ, phong tục tập quán của Dân Tộc Việt đã bị linh lạc nặng nề.

Dân Việt có sứ mệnh phải phục hoạt lại Dân Tộc Việt.

2/ Phát Dương Dân Đạo

Dân đạo là Đạo thống của mỗi dân tộc.

Đạo thống của mỗi Dân Tộc thể hiện bởi tinh hoa văn hóa truyền thống của Dân tộc mình, gói ghém trong triết lý, truyền thuyết, di chỉ, phong tục, tập quán và nếp sống, sự sinh hoạt của mỗi Dân Tộc.

Để phát dương Dân Đạo:

Mỗi dân tộc lấy nhân loại cương thường làm chủ chỉ tổ chức quốc dân cho đúng với Nhân Đạo, hợp với Nhân Sinh, trọn với Nhân Cách.

Mỗi dân tộc tổ chức dân luân, dân ngạch theo tiêu chuẩn của mình.

Đạo thống của Dân Tộc Việt là Việt Đạo, Đạo Làm Người, thể hiện bởi ĐẠO THỐNG TIÊN RỘNG với nguyên lý *Lưỡng Nguyên Song Trùng, Hồ Tương, tuy hai mà một, Mẹ Âu Cơ, bản chất Tiên, Cha Lạc Long, bản chất Rộng, trong tinh thần bình đẳng, phân công, người lãnh đạo mặt tăng công khai, người lui vào bí mật, bảo vệ đáy tầng, khi quốc gia lâm nguy, cùng nhau hiệp lực cứu nước. Việt Đạo thể hiện qua các di chỉ Tiên Rộng, Lưỡng Nguyên Song Trùng; Tam Tài Bánh Chưng, Bánh Giầy; Gậy Thần Sách Ước; Phù Đổng Thiên Vương; Chử Đồng Tử... trong văn hoá tôn giáo đồng nguyên...; ngôn ngữ, ca dao, tục ngữ, phong tục tập quán, lễ hội thờ cúng QUỐC TỔ, Anh Hùng, Anh Thư Dân Tộc, Tổ Tiên, ông bà, cha mẹ...*

3/ Sáng Hóa Dân Văn

- Dân Văn gồm văn hoá, ngôn ngữ, phong tục, tập quán, lễ hội, nếp sống, thi, văn, nhạc, kịch, hoạ, kiến trúc... trong suốt giòng lịch sử của dân tộc.

- Mỗi dân tộc là một bản vị đặc thù, một sáng tạo về văn hóa truyền thống. Người Việt không những phải bảo vệ, tôn trọng mà còn phải phát huy những cái hay, cái đẹp của văn hóa truyền thống, và phổ thông nhập dụng vào nếp sống hàng ngày của mọi tầng lớp nhân dân.

- Văn hóa truyền thống của mỗi dân tộc cần được bồi đắp bằng sự du nhập đãi lọc các tinh hoa của nền văn hóa khác trên thế giới, và bằng sự sáng tạo không ngừng của dân tộc ấy, để làm cho văn hóa dân tộc ấy được phong phú sáng hóa mãi lên trong tinh thần dung hóa, tổng hợp mà không mất gốc.

- Văn hóa Việt cần thể hiện nội dung Duy Nhân Cương Thường, y cứ trên Nhân Bản, Nhân Chủ, Nhân Tính, thực hiện Đạo thống Dân

Tộc, thể nhập triết học vào đời sống thực tại của Quốc Dân sao cho thi hành được Nguyên tắc “Dân Sinh hiện thực Triết học”.

4/ QUẢNG ĐẠI DÂN SINH

Mục đích của dân sinh là để đưa quốc dân tới 3 cứu cánh:

*Trình Dân Luân,
Công Dân Ngạch,
Bình Dân Sản.*

Tạo đời sống hoà hài thân ái, yêu thương trong xã hội.

Dân sinh là đời sống thực tiễn hàng ngày của Quốc Dân, bao gồm quyền lẫn cả đời sống vật chất với đời sống tinh thần, luôn luôn ấm no và hạnh phúc.

Quảng Đại Dân Sinh là phát triển cao độ các hệ thống văn hóa, giáo dục, kinh tế, y tế, thương mại, chính trị, xã hội, sinh hoạt để tạo các điều kiện sung mãn cho việc phát triển sinh mệnh mỗi Quốc Dân sao cho được tròn đầy trên cả 3 mặt Vật, Tâm, Sinh; cũng như để tạo cho Dân tộc được phát triển theo đà tiến hóa chung của nhân loại, hướng theo các nguyên tắc Nhân Đạo, Nhân Sinh, Nhân Cách để thiết lập các kế hoạch vừa hướng dẫn vừa đồng thời chấp hành ý nguyện của Quốc Dân.

Quảng Đại Dân Sinh gồm:

Tán Dục do câu “Tham Tán, Hóa Dục” mà ra, nghĩa là khai thác công sinh dưỡng của tạo hóa mà bồi dưỡng cho người hưởng.

Kiến chế là phân phối lại tình trạng cư ngụ và sản xuất của dân chúng, sao cho phù hợp với nền kinh tế mới.

Đồng Nhân là đối đãi mọi người bình đẳng ngang nhau về nhân vị, nhân cách, hưởng các cơ hội, phương tiện, thi hành các nghĩa vụ bằng nhau, không phân biệt nam, nữ, chủng tộc.

Kinh Tế Tư Hữu Bình Sản là nền kinh tế trong đó con người có cơ hội như nhau và đóng góp nghĩa vụ bình đẳng. Tư hữu được tôn trọng để dân chúng tự bảo vệ được tự do nhân phẩm của chính mình. Tư hữu không được quá độ và trở thành công cụ của người đi bóc lột người. Bốn nguyên tắc của kinh tế tư hữu bình sản là: Công bản, Công lao, Công phối, Công độ.

1/ Công bản là chế độ đặt các tài nguyên căn bản (Resources) công điền, công thổ, công sản, các mỏ,.. của quốc gia thuộc quyền chung của mọi quốc dân, không của riêng một cá nhân hay giai cấp.

2/ Công lao là sự đóng góp công sức của Quốc Dân. Sự đóng góp của Quốc Dân y cứ trên hai tiêu chuẩn:

- Tự Do về thực hiện.
- Bình Đẳng về cơ hội, nghĩa vụ và quyền lợi.
- **Phân Mệnh, Phân Công, Phân Lợi hay Phân Hưởng.**

Phân Mệnh là quy định phần vụ, sứ mệnh của mỗi người trong xã hội để mọi người làm tròn bổn phận mình.

Phân Công là phân phối công tác cho các phần tử trong xã hội theo nhu cầu của tập thể và khả năng, sở thích của mỗi phần tử.

Phân Lợi hay Phân Hưởng là đem các kết quả, lợi lộc thu hoạch được, hoặc lợi lộc vật chất, hoặc lợi lộc tinh thần, hoặc các cơ hội thăng tiến, phân phối cho mọi người theo nguyên tắc bình đẳng hợp với nghĩa vụ, công lao, hoàn cảnh của mọi người trong tập thể.

3/ Công Phối là chế độ phân phối các vật phẩm cho mỗi Quốc Dân. Công Phối lấy tiểu Gia Đình làm Bản Vị và đặt trên nguyên tắc bình đẳng về nhu cầu.

4/ Công Độ là các chính sách về tài chính, thương mại và lương bổng, lấy quyền lợi của quốc gia làm tối cao, và sự bình đẳng giữa quốc dân làm tiêu chuẩn...

Thiết Lập Chế Độ An Ninh Xã Hội.

Phát Triển Hôn Nhân Bộ MỆNG: Hôn nhân tự do mà trong sáng.

Thế Hiện Kiện Khang Giáo Pháp: Sửa đổi, xây dựng toàn bộ luật pháp theo Duy Nhân Cương Thường. Cứ 10 năm cải tiến Tiểu Pháp và 30 năm cải tiến Đại Pháp.

5/ CHÍNH SỨC DÂN TRỊ

Giáo Dưỡng là khởi điểm và chung điểm của chính trị.

Chính trị là sự thiết kế và chấp hành dân sinh.

Chính trị là điều lý nhân tính.

Dân trị phải lấy dân tộc làm chủ đạo.

a) Mỗi dân tộc lấy các nguyên tắc tam nhân: nhân đạo, nhân sinh, nhất là nguyên tắc nhân cách để thiết lập các mục tiêu cho nền chính trị của dân tộc mình.

b) Mỗi dân tộc lấy các tinh chỉ trong *Duy Nhân Cương Thường* làm nền tảng, lấy dân tộc mình làm chủ đạo trong việc thiết lập, thi hành nền chính trị cho dân tộc mình (Xem *Duy Nhân Cương Thường*, trang 79).

c) Bản chất đạo lý của chính trị là tâm thuật, trước khi là kỹ thuật, quyền thuật. “*Chính trị là thiết kế và chấp hành Nhân Sinh bằng tâm thuật*” (Xem *Duy Nhân Cương Thường*, trang 183).

“*Chính trị là điều lý nhân tính*” (Xem *Bình Sản Kinh Tế*).

“*Tâm thuật là chủ, kỹ thuật là phụ*” (Xem *Duy Nhân Cương Thường*, trang 140).

d) Bản chất hành động của chính trị là tu dưỡng vì sinh hoạt là biểu hiệu thống nhất của tính, tâm, thân, mệnh, vì nhân cách là phong độ thống nhất của tư tưởng, hành động, tình tự và thái độ (Xem *Thiết Giáo*, tr. 99).

e) Bản chất thực tế của chính trị là: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, quân sự thống nhất.

▪ “*Chính trị là thiết kế và chấp hành Dân sinh*” - “*Chính trị là điều lý Nhân Tính*” (Xem *Bình Sản Kinh Tế*). *Bản chất đạo lý của chính trị là tâm thuật - Bản chất hành động của chính trị là tu dưỡng* (Xem *Duy Nhân Cương Thường*, trang 140, 183; xem *Thiết Giáo*, trang 94).

6/ TRỌN VỆ DÂN VỰC

a) Quốc gia là đoàn thể cơ năng và tung hợp của sống còn thành lập nên bởi sự vận động hướng tâm, hướng thượng và hướng ngoại của cái sống riêng có một đức tính chung trong tính lớn đặc thù dân tộc, chủng tộc (Trích *Duy Nhân Cương Thường*, trang 48).

b) “Quốc gia là hình thức và cơ cấu nòi giống trên sinh mệnh tổ chức và chỉ huy”, đặc biệt về chủ quyền chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng.

c) “Mỗi nòi giống một quốc gia. Quốc gia do tự nòi giống ấy quản lý lấy và do quyền nhân dân xử trí lấy các việc” (Xem *Duy Nhân Cương Thường*, trang 75).

d) “Dân vực là bản thể của tự nhiên phân bố, đối với sống còn của Dân tộc”, “quốc gia là trung tâm sống còn của nòi giống.”

e) Mỗi quốc gia có chủ quyền về lãnh thổ, lãnh không, lãnh hải, lãnh tiềm..., lấy đó làm bản thân của tự vệ cho nòi giống đối với các hành vi bất pháp trên quốc tế về quân sự, kinh tế.

f) Quốc gia có bốn phận khai thông tương giao quốc tế để thực hành cương thường nhân loại (Xem *Duy Nhân Cương Thường*, tr. 77).

VI/ CUỘC ĐẤU TRANH TỰ THẮNG

“Sống nghĩa là bả ác được tự mình. Hãy nên tự giác (Connais-toi toi-même). Hãy tự kiến lập lấy một sinh mệnh hệ thống, lấy cái chủ ngã của tối viên mãn ở trong nơi tự mình, làm tối cao thống súy cho tự mình.” (T.D. Lý Đông A, *Huyết Hoa*, trang 141).

Nhân-chủ chính là một tiến trình hành động để tự thắng, diệt trừ chế ngự cái ác, các tham sân si, để từ đó mà tạo điều kiện giúp cho người khác tự thắng và đưa loài người đến mức tự thắng.

Tự thắng trước hết là tự lên bồn gột rửa, loại bỏ tất cả những yếu hèn, dục vọng, dốt nát, chia rẽ, dã man còn ẩn tàng đang làm vẩn đục tình Người trong chính mình.

Tự thắng sau nữa là vận động, khai triển được hết khả năng tốt đẹp ẩn tàng, đem tinh hoa làm rục rờ cho cả ba mặt Vật, Tâm, Sinh của mình, để từ đó làm rục rờ phát triển cho cuộc sống của người khác, của Gia-đình, dân-tộc, Nhân-loại.

Mục tiêu lớn lao nhất của tự thắng là làm chủ được chính Tâm của mình.

*“Nuôi Tâm sinh Thiên Tài
Nuôi Óc sinh Nhân Tài
Nuôi Thân sinh Nô Tài.”*

(Huyết Hoa, trang 152-153)

Nền tảng của tu dưỡng quy vào: “Rèn đức tính, tâm, thân, mệnh. Rèn đức trí, khí, nhiệt, thành. Rèn đức tình, lý, sự, vật” (Xem *Thiết Giáo*, tr. 101).

Nam phái y chiểu nam sách: Đại Ngã, Đại Mệnh, Đại Học, Đại Hành, Đại Nghiệp. Nữ phái y chiểu sách: Hiền Nữ, Hiền Phụ, Hiền Đại Nữ. Mỗi quốc dân tự mình thực hiện 3 sự nghiệp: - Nhân cách tu dưỡng cho kiên toàn; - Lãnh đạo gia đình cho phúc lợi; - Phục vụ dân tộc để đồng tình nhân loại (Xem *Thiết Giáo*, trang 94).

Tu dưỡng để thực hiện sứ mệnh lớn lao CỨU QUỐC TỒN CHỦNG với DÂN TỘC VIỆT, và XÂY DỰNG VĂN MINH NHÂN ÁI cho LOÀI NGƯỜI, cán bộ Duy Dân phải thực hiện 5 LỜI THỀ:

- 1) THỀ GIÁC BIỆN CHÚNG LỚN,
- 2) THỀ TU TÍNH MỆNH TA,
- 3) THỀ CỨU NÒI GIỐNG VIỆT,
- 4) THỀ BÊNH LOÀI NGƯỜI YẾU,
- 5) THỀ CÙNG VỮ TRỤ HÒA.

Để tu tính mệnh ta, để cứu nòi giống Việt, để bênh loài người yếu, với cá nhân là diệt các ác tính, các đục vọng tham, sân, si. Trong xã hội là loại trừ những cảnh tranh dành quyền lợi, danh vọng; cảnh Người bóc lột, hành hạ người; cảnh xâm lăng chiếm đóng, tiêu diệt các dân tộc khác; cảnh giết nhau vì khác giai cấp, chủng tộc v.v...

Để chiến thắng, đa số phải tự giác ngộ, đứng lên làm chủ lấy vận mệnh của chính mình, rồi bằng các phương tiện có được, thay đổi nhân sự cầm quyền, thay đổi định chế, cơ cấu hầu tiến tới Quốc Dân Dân Chủ chính trị hóa, Quốc Dân kinh tế xã hội hóa.

Những người bị áp bức, bị bóc lột tại mỗi dân tộc phải đoàn kết nhau lại, liên minh nhau, để thực hiện cuộc cách mạng nơi tự mình để thực hiện cuộc cách mạng cho toàn thể dân tộc, nhân loại. Phải cùng nhau hình thành một tổ chức đại quy mô; cơ cấu chặt chẽ, hiệu năng; nhân sự tâm huyết, nhiệt thành, lý tưởng cao cả, tài giỏi, thao lược, kỹ thuật cao cường, phương tiện sung túc, dư sức mạnh để chiến thắng kẻ ác.

Đối với Quốc Dân dưới các chế độ áp chế, cai trị bằng bạo lực và sắt máu, tu dưỡng tự giác vẫn là phần căn bản của Quốc Dân, để quyết đứng lên đòi quyền tự chủ. Phương pháp đấu tranh sẽ diễn ra dưới nhiều hình thức trên khắp mặt xã hội, kinh tế, chính trị, văn hóa, quân sự kể cả sự đổ máu.

“Không đổ máu tuyệt không xoay chuyển được thời cuộc.” (T.D. Lý Đông A, *Huyết Hoa*, trang 125).

Nhưng mà đấu tranh của Nhân Chủ Duy Dân sẽ tuyệt đối không đổ máu cho những xu hướng bè phái, cá nhân hay giai cấp. Đấu tranh đổ máu của Nhân Chủ Duy Dân là đấu tranh cho quyền lợi tối cao của Dân tộc, cho toàn thể hạnh phúc của Quốc Dân, của cả loài người.

Đấu tranh của Duy Dân là để kiến thiết. Kiến thiết là mục đích tối cao của chiến tranh, nên trong chiến tranh, phá hoại, sinh sát phải có giới hạn.

“Lực lượng sử dụng vào cách mạng phải có chừng. Lực lượng sử dụng vào kiến thiết là vô hạn.” (T.D. Lý Đông A, *Chu Tri Lục 5*, trang 114).

Phương tiện đấu tranh là một Đại Đảng Cách Mạng đi đôi với một Quân đội, **lấy toàn dân vi binh, song song với tổ chức chuyên nghiệp** theo các ngành Thủy Lục Không quân, Du Kích chiến, Dân Quân, an ninh, tình báo (nay phải thêm Không Gian, Điện Toán và Tự Động). Những chiến sĩ giác ngộ Nhân Chủ và Quốc Dân tiên tiến là đội

ngũ căn bản thuộc các ngành. Toàn thể quân đội phải có Quân Hồn. Toàn thể quân đội chiến sĩ phải có cách mạng giáo dưỡng, để chiến đấu là vì dân, để hy sinh là có mục đích.

Kiến nghiệp quân vụ phải khế hợp trong toàn bộ Kiến Quốc cương lĩnh (Xem *Kiến quốc cương lĩnh và kiến quân nghiệp vụ* của T.D. Lý Đông A).

Ta phải xây dựng Lực và Thế thật mạnh, với kỹ thuật tân kỳ, dư khả năng, mới có thể triệt tiêu được cái ác mà kiến thiết được cái Thiện.

VII/ TOÀN BỘ QUỐC DÂN QUÂN GIÁO DƯỠNG

“Giáo Dưỡng là Chính trị Khởi Điểm và Chung Điểm.”

(T.D. Lý Đông A, *Thiết Giáo*, trang 23).

Trong cuộc đấu tranh Nhân Chủ, đấu tranh sắt máu chỉ là bắt đắ dĩ để tự vệ trước cuộc xâm lăng, chiếm đóng của ngoại bang hay phải dứt điểm với một ác lực, bạo quyền.

Cuộc đấu tranh thực sự, quyết liệt và lâu dài là TOÀN BỘ QUỐC DÂN QUÂN GIÁO DƯỠNG. Giáo dưỡng để diệt ác lực trong mỗi người, trong xã hội. Diệt ác lực để giáo dưỡng tiến bộ.

Giáo dưỡng là tạo cơ hội, phương tiện mọi mặt để toàn thể quốc dân, quân tu dưỡng, học hỏi, kinh lịch, hầu phát triển cao độ khả năng Thể Xác, Tâm Hồn, Trí Huệ và sự sống của chính mình, của dân tộc mình ngày một cao lên mãi, cường thịnh lên mãi, khiến tự nó trở thành sức mạnh mà các ác thế lực không thể xâm chiếm, hoành hành, khiến tự mình có khả năng đóng góp hữu hiệu vào hòa bình và sự ổn định cùng tiến bộ của dân tộc và nhân loại.

Giáo dưỡng có hai hệ thống song song:

Giáo dưỡng tại các học đường, tổ chức các lớp ấu nhi, mẫu giáo, sơ học, tiểu học, trung học, đại học...

Giáo dưỡng trong xã hội, trong mọi tầng lớp dân chúng, trong các sở làm, nơi nào cũng có thể là lớp, là trường. Ai biết là thầy, ai học là trò. Ai cũng có thể vừa là thầy, vừa là trò.

6) BIỆN CHỨNG CỦA GIÁO DƯỠNG

Giáo dưỡng là tiến trình của biện chứng Thủy Tạo, Kế Tạo và Thành Tạo.

Thủy tạo là những đức tính tiên thiên khởi sinh trong khi hình thành người trước khi sanh, bao gồm mọi yếu tố từ di truyền, hoàn cảnh, đến quang năng trong vũ trụ, tiềm ẩn cả thiện lẫn ác.

Kế tạo là công trình tu dưỡng tự mình hướng tâm vận động tự thành, tự tiến bộ về cả ba mặt Vật, Tâm, Sinh, tình cảm, trí tuệ và cuộc sống. Kế tạo cũng là công trình nuôi dưỡng, giáo dục, xây dựng, vun bón của xã hội cho cá nhân được đầy đủ, trưởng thành về vật chất, thỏa mãn các nhu cầu căn bản; trưởng thành về tâm linh qua cương thường của Dân Tộc và Nhân Loại; trưởng thành về trí huệ, qua huấn luyện, trao truyền kiến thức về các mặt sinh hoạt của Quốc Gia, trên văn hóa, tư tưởng, chính trị, khoa học, kinh tế, xã hội... của thời đại. Kế tạo là một tiến trình toàn bộ cố gắng của tự mình và của xã hội để hiệu chỉnh những nhược điểm của thiên tính, phát triển những ưu năng của người để đưa con người đến toàn bộ viên mãn của Hướng Tâm, Hướng Tha và Hướng Thượng.

Thành tạo là cụ thể tiêu chuẩn thành tựu trung bình của mỗi cá nhân trên cả ba mặt thể chất, tâm linh và sự sống trong xã hội thời đại trên tiến trình Nhân Chủ. Thành tạo chính là một tổng thể thống nhất (Hợp Đễ) của hai vế khác biệt: Thủy Tạo (chính đễ) và Kế Tạo (phản đễ). Thành tạo của các Bản Vị gia đình, Dân Tộc, nhân loại là tổng thể thành tựu trung bình của các cá nhân trong thời đại ấy.

Khế hợp các yếu tố Thủy Tạo, Kế Tạo và Thành Tạo để đạt tới **Thành Quân**.

Giáo dục phải y cứ trên nhân tính:

Giáo dục là kế tạo và cải tạo cho đạt tới mục đích Thành Tạo, Thành Quân và Thành Tâm. Vật với Tâm bình hành và thống nhất, hiện thực với lý tưởng bình hành và thống nhất (*Thiết Giáo* trang 15-16)

“Giáo dưỡng là sự truyền thụ và vun trồng cho người cầu học một phương pháp và tinh thần để thâm thái và bồi dưỡng sáng tạo trí thức (giáo), cho người cầu học một năng lực và ý chí đó (dưỡng). Giáo dưỡng phải đi đôi với thực hành mới đạt tới mục đích kế tạo và lý tưởng thành tạo. (T.D. Lý Đông A/*Thiết Giáo*/ trang 50)

(Xem chi tiết trong "Tìm Hiểu Chủ Thuyết Duy Dân" của cùng tác giả dưới bút danh Thái Kinh Dương, in năm 1986, có đăng lại trong Website thangnghialydonga.org).

PHẦN II

Tổ Chức Đấu Tranh Cách Mạng

Toàn bộ "*Đại Việt Duy Dân Chủ Nghĩa Quốc Sách Thảo Án Toàn Pho*" được Tiên Sinh Lý Đông A viết ra là để cho người Việt, vừa làm kim chỉ nam cho con đường tiến lên nhân chủ, hòa đồng với nhân loại, như các cơ bản triết luận về vũ trụ và nhân sinh thực tiễn đã lược thuật, vừa chỉ dẫn từng chi ly từ nguyên tắc đến kỹ thuật hành động, từ phương thức hàm dưỡng của lãnh tụ, cán bộ đến nghệ thuật tổ chức đấu tranh hầu đưa cuộc đấu tranh cho dân tộc và nhân loại chắc chắn đến nơi toàn thắng.

Căn cứ vào toàn bộ chủ nghĩa "nòi giống Đại Việt chiếu theo nhu yếu hiện thực của mình, từ cứu nước giữ nòi làm xuất phát điểm, thực hành cách mạng triệt để, toàn diện và hướng thượng với sáng tạo triệt để, toàn diện và hướng thượng, đạt tới mục đích điểm là kiến thiết một sinh mệnh hệ thống cho dân tộc với một văn hóa thể hệ cho dân tộc".

Trong đó;

"Nhân loại cương thường làm chủ chỉ lập quốc".

Việt quốc gia kiến thiết trên 4 quy mô: Lập Học, Thiết Giáo, Kiến Quốc và Tổ Đảng." (Xem *Duy Nhân Cương Thường*, trang 80 và toàn bộ).

- Việt uyên nguyên được suy cứu lại từ thời Viêm Đế với tinh hoa Việt được khai quật lại trong suốt giòng sinh mệnh Việt qua "*Việt Sử Uyên Nguyên*", "*Việt Sử Duy Dân Thông Luận*" và "*Đường Sống Việt*". (Xem *Việt Sử Uyên Nguyên*, *Việt Sử Duy Dân Thông Luận*, *Đường Sống Việt* và *Chu Tri Lục*).

- Cơ cấu chính trị Việt là "*Cơ Năng Hiến Pháp*".

- Cương lĩnh hành động chiến lược Việt là Huấn cáo, Huấn Dụ, Huấn Hồ, Huấn Phương.

- Sách lược và kỹ thuật hành động là Tổ Đảng với Đảng Sách, Đảng Lược, Đảng Thế, Đảng Chế, Cán Huấn, Đảng Hiến, Giáo vận, Tuyên Truyền, Đảng Chiến, Quân Chính, Đảng Cơ, Đảng Công.

Để hành động, Duy Dân chủ trương tổ chức Đảng Cách Mạng.

Đảng Cách Mạng chủ trương đấu tranh bí mật, và tổ chức từ quần chúng đi lên. Đảng chính trị áp dụng khi có thể đấu tranh công khai và tổ chức từ trên đi xuống. Đảng cách mạng tìm cách giác ngộ

quần chúng để cùng nhau đứng lên hành động. Đảng chính trị dùng chính quyền để phát triển và xây dựng xã hội.

Duy Dân chủ trường Đảng Quốc Dân Hoá và là Công Đảng.

(Xem *Tổ Đảng* của Tiên Sinh Lý Đông A, *Tổ Đảng Giản Lược* của Cụ Thái Nhân và *Đảng Sử* của Giáo Sư Đào Văn Dương tự Thái Phụng. Mô hình tổ chức Đảng Duy Dân:

I. **MÔ HÌNH TỔ CHỨC TOÀN THỂ ĐẢNG:**

A/ Hệ thống dọc:

- 1) Tối cao Tổng Đảng Bộ có 2 ban:
 - a) Ban Quân Sự: Trực thuộc Tác Chiến Tư Lệnh Bộ (XTL).
 - b) Ban Chính Trị: Đảm trách Phân Lập Chỉ Huy sở.(Tối Cao Hành Doanh Đảng Bộ và hai Ban thành lập ngày 28 tháng 10 năm 1945).
- 2) Có nhiều Tổng Đảng Bộ, tùy theo nhu cầu không gian và thời gian.
- 3) Liên Cán Sự Bộ gồm từ 3 tới 5 Cán Sự Bộ.
- 4) Cán Sự Bộ gồm từ 3 đến 5 Đặc Chi.
- 5) Đặc Chi gồm từ 3 đến 5 Chi Bộ.
- 6) Chi Bộ gồm từ 3 đến 5 Đặc Khu.
- 7) Đặc Khu gồm từ 3 đến 5 Khu Bộ.
- 8) Khu Bộ gồm từ 3 đến 5 Tiểu Tổ.
- 9) Tiểu Tổ gồm từ 3 đến 5 Cán Bộ.
- 10) Cán Bộ phát triển theo Hạch Tâm Thể tỏa ra và đi lên.

B. ỨNG HỤT TỔNG ĐẢNG BỘ: (Tuyệt đối bí mật)

- 1) Tiếp tế nhân sự,
 - 2) Tiếp tế kinh tế tài chánh,
 - 3) Giúp đỡ giao thông,
 - 4) Yểm trợ tình báo,
 - 5) Yểm trợ tác chiến,
 - 6) Phối hợp Tối Cao Hành Doanh Đảng Bộ tác chiến mặt sau.
- (Xem *Tổ Đảng* các trang 187, 221, 235)

C. Lưu Hụat Tổng Đảng Bộ. Đáy tầng, cực bí mật- Phụ trách Đảng Vụ biến sách thiên hụat. (Xem *Tổ Đảng* các trang 187, 221, 235).

D. Hệ thống ngang: Là cơ cấu tổ chức điều hành nội bộ từ Tổng Đảng Bộ trở xuống.

- 1) Thư Ký Trưởng.
- 2) Chủ Tịch Đoàn: tức Thường Vụ Hội, lo việc thường vụ.

- 3) Trung Ương Hội Nghị: tức Chấp Hành Hội, gồm 3 hệ:
- a) Hành Động Hệ.
 - b) Nghiên Cứu Hệ.
 - c) Giáo Dục Hệ.
- E.** Các Biệt Lập Cơ Quan tại mỗi thành phố và chuyên môn.
- F.** Xích Long Vệ. Cốt lõi bảo vệ và phát dương Đảng (*Tổ Đảng* trang 165).
- G.** Các Chiến Khu: Mật Khu, An toàn Khu, Hồi Sinh Căn Cứ Địa.
- ❖ Hệ thống dọc để phát triển đảng. Hệ thống ngang để lãnh đạo, và thống nhất đảng.
 - ❖ Đặc tính của đảng là tinh thần nhân chủ và dân chủ.

II. NỘI DUNG TỔ ĐẢNG:

Tổ Đảng gồm Đảng Sách, Đảng Lược, Đảng Thế, Đảng Chế, Cán Huấn, Đảng Hiến, Giáo Vận-Tuyên Truyền, Đảng Chiến, Quân Chính, Đảng Cơ, Đảng Công, tổng cộng 253 trang. Mỗi chương đều có rất nhiều điều quan trọng, với các chi tiết. Khó ai có thể viết tổng lược được, nên **chúng tôi chỉ xin tự chọn trong mỗi chương một vài điểm tượng trưng để người đọc có đôi chút khái niệm mà thôi**

C.I/ ĐẢNG SÁCH: Gồm 13 trang. Nói về 1) Căn Bản Sách, với Cứu Quốc Tồn Chung, Dân Sinh thực hiện triết học... 2) Căn Bản Học với Tiểu Ước Pháp, thi hành Thặng Nghiã, Cơ Năng Chính Trị; Đại Ước Pháp, thực hiện các nguyên tắc thị chính, nhân ngạch, đồng nhân... 3) Đối Ngoại Sách, 4) Dân Tộc Sử Cương, 5) Kiến Quốc Trình Tự, Dân Tộc Tinh Thần, Dân Tộc Xã Hội; Dân Tộc Học Thuật, Đào Tạo Phương Trượng, Đào Tạo Nhân Tài.

C.II/ ĐẢNG LƯỢC: Gồm 11 trang. Nói về 1) Đảng Lược 1: Các Hành Động Nguyên Tắc. 2) Đảng Lược 2: Nội Tuyển Đảng Lược, Đại Nam Hải Liên Bang, Giáo dục dân chúng cùng đứng lên... 3) Đảng Lược 3: Lấy thanh niên làm trung tâm, lấy toàn dân tu dưỡng làm nền tảng, lấy bí mật làm chính quy, lấy công khai làm ký kích, quân dân quốc võ trang cách mạng, bài trừ giai cấp tính, đấu tranh bền dai, không thoả hiệp; Chuẩn quốc phòng ngoại giao.

C.III/ ĐẢNG THẾ: Gồm 7 trang. Nói về việc tổ chức Đảng, với các Cơ Quan Tối Cao Đảng Bộ, Đại Hội Toàn Quốc Đảng Viên, Toàn Đảng Đại Biểu Hội, Trung Ương Hội Nghị, Thư Ký Trưởng, Thẩm Nghị Hội, Đảng Khu Mật Hội, Duy Dân Học Xã, Đại Nam Hải Giáo Dục Xã, Nghiên Cứu Hệ, Giáo Dục Hệ, Chính Lý Ủy Viên Bộ, Dân Sự Bộ, Quân Sự Bộ, Tài

Chánh Bộ, Thông Đệ Bộ (liên lạc, tình báo), Quốc Tế Bộ, Xích Long Vệ Bộ. Tổ chức quy chế...

C.IV/ ĐẢNG CHẾ TẾ TÁC (Tiểu Tổ Tinh Chế). Gồm 17 trang. Nói về: 1) Thời kỳ Tĩnh Viên: Lãnh Tụ Chế. - Dân Chủ Tập Quyền Chế: Các cấp tự hành động theo trách nhiệm ủy nhiệm. 2) Thời Kỳ Chuẩn Động Viên. 3) Thời Kỳ Động Viên. 4) Thời Kỳ Phục Viên. 6) Các nguyên tắc Tiểu Tổ Tinh Chế. 7) Điều Lệ Đặc Biệt Tưởng Thưởng. 8) Điều Lệ Trừng Phạt. 9) An Phủ Chính Sách (An Sinh).

C.V/ CÁN HUẤN: (Thiếu)

D.VI/ ĐẢNG HIỂN: Gồm 20 trang. Trình bày: 1) Cơ Năng Hiến Pháp quy định chế độ, quốc thể, chính thể, quyền hạn và sự vận hành của các cơ chế thành văn và bất thành văn. Hiến Pháp gồm 3 phần: a/ Toàn pho, b/ Các Cơ Năng, c/ Tính chất thực tiễn của thao lược Duy Dân cao công. Các Cơ năng gồm Chính Trị Tổng Cơ, Hành Chánh Tổng Cơ, Chính Trị Nguyên Cơ, Hành Chánh Phủ Cơ, bao quát các ngành Hành Pháp, Lập Pháp, Tư Pháp, Giám Sát, Nghiên Cứu Viện, Tham Quân Cơ, Quân Chính Viện, cơ cấu trung ương, địa phương v.v...

E.VII/ GIÁO VẬN-TUYÊN TRUYỀN: Gồm 29 trang. Cơ bản là nghệ thuật giáo dỡng, tuyên truyền rất chi li tinh tế, phải tự đọc để tự hiểu, không thể tóm lược. Cao, thâm, quy, long, biết mình, biết người. Chủ điểm là tự mỗi cán bộ Duy Dân phải tu dưỡng để đạt một mẫu mực về sự hiểu biết về tư tưởng Duy Dân; về các yếu cốt cỗi gốc của mỗi vấn đề của nhân loại, của quốc gia; về đạo đức cách mạng siêu nhiên - Cùng lúc phải nghiên cứu, sưu tra, nắm vững từng động tác tâm lý của ta, bạn, thù. Hiểu biết dân chúng các cấp, các địa phương, các gia tầng, của mỗi cá nhân - Nương theo mà chuyển biến được những cảm thụ bị động của dân chúng thành những ý thức chủ động. Dần dần khiến dân chúng nhận ra những phần tiêu cực của các hệ thống tôn giáo, văn hoá, tư tưởng, chính trị đang lưu truyền mà có hại hoặc có tác dụng phản dân tộc, - Tự động mặc nhiên loại bỏ, - Rồi thoát thai, hoán cốt thay thế bởi tư tưởng mới của Duy Dân. Công tác giáo dỡng tuyên truyền sẽ diễn tiến qua các thời kỳ Tĩnh Viên, thời kỳ Động Viên và mãi mãi kinh thường đưa xã hội ngày một mới, một tiến lên gần với lý tưởng tiêu chuẩn.

D.VIII/ ĐẢNG CHIẾN: Gồm 12 trang. Rút kinh nghiệm chiến đấu của tổ tiên từ thời Bách Việt, của các thời đại từ thời lập quốc, từ các triều đại độc lập, - Của thế giới từ nhân gian, cách mạng, trận địa chiến tranh qua các thời đại, - Duy Dân đề ra các chiến lược viễn chiến, cận

chiến, giáp chiến, của chính quân, biệt động quân, du kích quân, du chiến quân, kiến thiết quân cùng các biên chế, nghi lễ, tổ chức, y phục, quân hàm, phù hiệu, khẩu lệnh, hệ thống thưởng, phạt liên hệ của các thời kỳ tĩnh viên, động viên.

E.IX/ QUÂN CHÍNH: Gồm 24 trang. Quân chính đi đôi với Đảng Chiến. Là cương lĩnh điều hành guồng máy lãnh đạo quốc dân nơi mới chiếm đóng, khi có chính phủ lâm thời hay khi đã chính thức thành lập chính phủ. Về cơ cấu, Tối Cao Đảng Bộ là tối cao chính trị cơ quan, tối cao lập pháp và tối cao tư pháp. Tư lệnh quân sự là tối cao chỉ huy quân sự và chính trị với các cấp quân chính địa phương tỉnh, huyện, tổng, xã. Trong thời chiến, sự phá hoại phải có giới hạn để hướng đến kiến thiết mà cứu tế, an dân, xây dựng là nòng cốt. Cổ viên là các thành phần dân chúng được động viên để thi hành nghĩa vụ quân chính. Luật pháp, thưởng, phạt, được quy định cho các thành phần cán bộ, cổ viên, dân chúng, nội địch và ngoại địch.

F.X/ ĐẢNG CƠ: Gồm 72 trang. Xin sơ lược: 1/ Kế Hoạch Cách Mạng Đại Cương: Đảng, có một nhữn quan viễn đại, đề ra những chiến lược lâu dài; - Cơ bản nặng về cách mạng hơn chính trị. Chính trị là lộ tuyến của cách mạng. Cương lĩnh chính trị là thực hiện Tam Nhân thông qua Lục Dân. Ta là chủ thể, chủ động, xây dựng cho có chủ lực mạnh, trên lập trường cứu quốc, tồn chủng, rồi mới quy định ai bạn, ai thù. Trong chiến tranh hay hoà bình, đảng luôn bao gồm 3 yếu tố: tổ chức, lý luận, kỹ thuật trong mục tiêu mạnh được, yếu thua. Đào tạo một thủ não bộ cao thâm về lý luận, hướng dẫn dân chúng bằng các khẩu hiệu đơn thuần, thực tiễn. Tư tưởng chỉ đạo hành động. Kế hoạch, hành động xuất phát từ thực tiễn, toàn dân là nền tảng, không thiên một chủ nghĩa, nguyên lý là hỗ tương, liên hoàn quá khứ, hiện tại với tương lai. Trong phá hoại phải nghĩ đến kiến thiết. 2/ Đấu Tranh Tổng Tiến Trình: Các biến chuyển dự kiến quốc tế, quốc nội từ 1943 trở đi và cuộc đấu tranh thích ứng của đảng. Quốc tế văn hoá xuất lộ: từ tiểu đại đồng sang trung đại đồng, tới chân đại đồng. Quốc tế văn hoá chuyển mình: Dân tộc hướng tâm vận động, Quốc Dân Dân Chủ Chính Trị, Quốc tế tư bản xã hội hoá. Á Đông phục hoạt. Mâu thuẫn tư bản cộng sản. 3/ Chính Trị Tổng Tiến Trình: a) Tổng Phương Châm: thực hiện triết học, thăng nghĩa chính trị, bình sản kinh tế, cơ năng hiển pháp, tu tâm giáo dưỡng, sinh hoạt giáo dục, Đại Nam tông hoá, Cứu quốc, tồn chủng, độc lập, thống nhất. b) Tổng Quy Mô: Giới Thiệu, Lập Học, Thiết Giáo, Kiến Quốc, Đồng Nhân, Tổ Đảng. 4/ Xích Long

Vê: gồm các đảng viên thuần túy, tiền tiến và tinh thành - Là sức lỗi để bảo vệ và phát dương Duy Dân; - Là cơ bản quân đội của đảng; - Là hiến binh của quốc gia.

III. **G.XI/ ĐẢNG CÔNG**: Gồm 48 trang. Trong sứ mạng cứu quốc, tồn chủng với mục tiêu quốc dân đảng hoá, Đảng thiết kế cơ cấu tổ chức dọc, ngang, tự trị, theo phương thức võ trang, Quân Chính, từ Tối Cao Hành Doanh Đảng Bộ, Ứng Hậu Tổng Đảng Bộ, Lưu Hậu Tổng Đảng Bộ, Xích Long Vệ, Hệ Thống Quân Đội, Tình Báo Đặc Vụ, các cơ cấu trung ương, và cơ cấu địa phương; - Nguyên tắc điều hành: Tập quyền chế, phân quyền chế, nhất nguyên chỉ huy, tuyệt đối kỷ luật, nhưng cá nhân tự nhiệm; trong trình tự kế hoạch hoá, khoa học hoá, tự ngã hoá, bí mật, công khai; - Án định sứ mệnh, trách nhiệm, công tác cơ bản của Đảng; của các cơ cấu tổ chức, các công dân tầng, các tiểu tổ, các đảng viên; - Trách nhiệm các cấp, từ Tối Cao Thư Ký Trưởng trở xuống qua các thời kỳ tỉnh viên, chuẩn động viên, động viên, phục viên. Ba nguyên tắc hành động cần nhớ: Dấu đảng lược vào thời cơ. - Dấu nhân tài vào tàng tu. - Dấu hiểm ách vào địa động.

III/ KẾT LUẬN VIỄN KIẾN TƯƠNG LAI

- **Khuynh hướng Dân Tộc Hướng Tâm Vận Động.**
- **Khuynh hướng Quốc Dân Dân Chủ Chính Trị.**
- **Khuynh hướng Quốc Dân Kinh Tế Xã Hội Hóa.**
- **Khuynh hướng Quốc Tế Tập Đoàn An Toàn.**
- **Khuynh hướng Quốc Tế Đại Đồng Hòa Hải.**

Cái viễn kiến về chính trị vận động của các trào lưu dân tộc và nhân loại mà lãnh tụ Lý Đông A, qua Duy Dân biện chứng đã nhìn thấy cách đây hơn 70 năm, đến nay thể nghiệm minh xác cho con đường đi đúng chắc của cách mạng Nhân Chủ Duy Dân. Các trào lưu chính trị vận động của dân tộc và nhân loại từ 1940 về sau sẽ là:

- **Khuynh hướng Dân Tộc Hướng Tâm Vận Động.**

Khuynh hướng đó phát xuất từ bản chất hướng tâm vận động tự nhiên của bản vị dân tộc. Quốc dân tự lấy chính mình là chủ thể, tìm mọi cách để dân tộc mình tự chủ, thịnh cường, ấm no, hạnh phúc. Dân tộc tự chủ khiến mọi chủ trương đi nghịch lại dân tộc đều thất bại. Mọi

chủ trương quốc tế hóa đều bị xu hướng hướng tâm vận động của dân tộc chuyển hóa.

- **Khuynh hướng Quốc Dân Dân Chủ Chính Trị.**

Do nhân chủ giác ngộ, quốc dân một nước từ năm 1940 về sau sẽ tiến lên nắm giữ vận mệnh mình, quyết định hạnh phúc mình trong sinh hoạt chính trị dân chủ trực trị với sự đóng góp của toàn bộ quốc dân.

- **Khuynh hướng Quốc Dân Kinh Tế Xã Hội Hóa.**

Từ 1940 về sau, tư bản sẽ xã hội hoá, cộng sản sẽ tư hữu hóa. Khuynh hướng kinh tế tư hữu bình sản sẽ mỗi ngày một lớn mạnh. Mỗi người dân sẽ có cơ hội, quyền lợi, nghĩa vụ bằng nhau trong tư hữu bình đẳng để bảo vệ tự do của bản vị cá nhân, loại bỏ tính chất người bóc lột người, để nhân cách được thể hiện và người được sống thực là người.

- **Khuynh hướng Quốc Tế Tập Đoàn An Toàn.**

Từ 1940 về sau, vì nhu cầu an ninh, vì xu hướng hướng tha vận động, hướng thương vận động, các quốc gia nhỏ yếu có tương đồng quyền lợi, hoàn cảnh lịch sử, văn hóa, địa lý trong mỗi khu vực, sẽ liên minh với nhau thành những tập đoàn, những bản vị lớn hơn trong biện chứng tự kỷ ỷ tha, hỗ tương vận động và kết hợp mà thành, để hỗ tương bảo vệ an ninh và phát triển văn hóa, dân sinh. (xem *Chu Tri Lục 3*). Các tổ chức Liên Âu (Europe Union), Liên Á (ASIAN) vv... đã và đang hình thành, trưởng thành là những Quốc Tế Tập Đoàn An Toàn mà Tiên Sinh Lý Đông A đã tiên đoán.

- **Khuynh hướng Quốc Tế Đại Đồng Hòa Hải.**

Quốc tế biên cương từ khi kiến thức khoa học của người bắt đầu tiến bộ, đã ngày một thâm ngăn lại theo với tốc độ của khả năng di chuyển. Từ sau đệ nhất thế chiến, đến đệ nhị thế chiến, các quốc gia đã tìm cách lập một tổ chức chung để gìn giữ Hòa Bình, tránh chiến tranh (Hội Quốc Liên rồi Liên Hiệp Quốc) - Với sự tiến bộ của Tâm và Trí, con người sẽ dần dần tiến tới một Thế Giới Đại Đồng Hòa Hải trong đó mỗi dân tộc đều tồn tại và bình đẳng - tự chủ. Khi tiến tới thế giới đại đồng, các bản vị gia đình, dân tộc, tập đoàn an toàn vẫn tồn tại, và là những cơ năng cần yếu của quốc tế. Quốc Tế Đại Đồng trong tiểu dị, như Lý Tiên Sinh dự đoán, không phải thế giới đại đồng xoá hết các dân tộc như Marx chủ trương.

Trào lưu các dân tộc và nhân loại quả nhiên ngày nay đang chuyển động theo biện chứng Duy Dân, theo dạng thức xoáy tròn ốc trên tiến trình Nhân Chủ.

VÀI NHẬN ĐỊNH RIÊNG CỦA TÁC GIẢ:

❖ Là cán bộ Duy Dân, tư tưởng phải đi đôi với hành động, *TRI HÀNH ĐỒNG TIẾN, VÀO LỄ RA VIỆC*, và phải đem nếp sống của Duy Dân hiện thực thành tập quán của dân chúng: *NHÂN SINH NHẬP DỤNG TRIẾT HỌC*, qua các chính sách GIÁO DƯỠNG.

❖ Cho đến nay, nhân loại đã nhận rõ những nhược điểm của cả hai Hệ Thống Tư Bản và Cộng Sản. Trong sự hướng dẫn của Nhân Chủ Duy Dân, từ Thế Hệ Thanh Niên 2020 trở đi, trên tiến trình THĂNG HOÁ QUÂN BÌNH ĐỘNG QUA KHÔNG THỜI GIAN, sẽ lại thực hiện một CUỘC CÁCH MẠNG TẬP ĐẠI THÀNH giữa Tư Bản và Cộng Sản, phối hợp với Truyền Thống Tinh Hoa Văn Hoá Bách Việt, CHÍNH SÁCH TOÀN DÂN GIÁO DƯỠNG, và các sáng tạo thời đại, sẽ đưa nhân loại tiến nhanh hơn, từ Nhân Đạo Tinh Tiến lên bình diện NHÂN ĐẠO ỔN ĐỊNH.

❖ Chủ thuyết Nhân Chủ Duy Dân không chỉ hữu dụng ở thế kỷ 20, mà còn thích hợp trong một tương lai rất xa. Khi loài người đã tiến cao trên xã hội điện toán, với mọi bình diện sản xuất, phân phối tự động hoá do người máy thực hiện, sản phẩm thừa mứa. Người, đa số, hoặc bị thất nghiệp, hoặc không cần làm việc để lãnh lương, thì các hệ thống tư bản và cộng sản sẽ không còn thích hợp. Xã hội lúc ấy sẽ là xã hội Nhân Chủ, Tư Hữu Bình Sản, như Duy Dân thấy trước.

❖ Chúng ta, ở Thế Kỷ 2020, đang trong tiến trình Nhân Đạo Tinh Tiến. Hai mô thức Tự Do Tư Bản và Vô Sản Chuyên Chính vẫn đang quyết liệt đấu tranh sinh tử. Mặc dầu cuộc Cách Mạng Đông Âu Thế Kỷ 1990 đã diễn ra, nhưng nay với Trung Hoa Cộng Sản đang trỗi dậy, và từ đầu năm 2020, hai hệ thống đang đối phó với Chiến tranh Sinh Trùng Coronavirus, tàn phá sinh mạng, tài sản Hoa Kỳ, Tây Phương và các quốc gia trên thế giới. Ai thắng ai? Duy Dân tin tưởng không sớm thì muộn, cái thiện rồi sẽ thắng cái ác.

❖ Nếu rồi ra quốc tế khám phá ra Trung Cộng vì cố ý, hay thiếu trách nhiệm, qua dịch Vũ Hán, tạo ra sự thiệt hại, quốc tế có thể sẽ trừng phạt Trung Cộng. Nếu Trung Cộng bị trừng phạt, sẽ suy yếu, chuyển đổi hay tan rã. Cộng sản Việt Nam có thể cũng bị chuyển đổi hay sụp đổ theo. Lúc ấy, các nhà đấu tranh dân chủ, hay ai có quyền lực, có thể đem áp dụng ngay Hệ thống Nhân Chủ Duy Dân tại Việt Nam vì rất thích hợp. Thí dụ, có thể áp dụng chủ trương "*Lấy Dân Tộc làm căn bản, Lấy Con Người làm cứu cánh*" áp dụng vào Hiến Pháp, các luật pháp, cũng như áp dụng các chính sách Nhân Bản, Nhân Sinh, Nhân Cách và chủ trương Lục Dân, cùng các chính sách Tứ Công, Tam

Phân: công bản, công lao, công độ, công phối - phân công, phân mệnh, phân hưởng, giáo dưỡng v.v... vào các chính sách kiến thiết quốc gia, để Nhân Vị mọi người cùng được tôn trọng, với đầy đủ Tự Do, Dân Chủ, Nhân Quyền. Mọi người dân đều sớm được ấm no, hạnh phúc.

❖ Để đáp ứng thời cơ, các cán bộ Duy Dân nên liên hệ với các nhà đấu tranh Dân Chủ trong nước, và áp dụng phương án "Hạch Tâm Thể" để bí mật tổ chức mọi ngành hoạt động ở trong nước, rồi quy về tạo nên một Đối Lực lớn mạnh hầu đấu tranh cho hữu hiệu. Trong tương lai, có thể nghĩ tới thực hiện *một tổ chức Đại Quy Mô* như Lý Tiên Sinh đã phác họa trong Tổ Đảng, với những cán bộ và lãnh đạo thời đại, nhiệt huyết, thao lược, đạo đức, để đảm đương trách nhiệm CỨU QUỐC, TỒN CHỦNG, cùng xây dựng một văn minh mới cho nhân loại. Hãy khai dụng những nguyên lý trong *Sách lược và kỹ thuật hành động Tổ Đảng đã vạch ra với Đảng Sách, Đảng Lược, Đảng Thế, Đảng Chế, Cán Huấn, Đảng Hiến, Giáo vận, Tuyên Truyền, Đảng Chiến, Quân Chính, Đảng Cơ, Đảng Công*. Mô thức tổ chức có thể nặng về Quân Chính hay dân chính, tùy theo hiện tình đất nước. Hình thái dân quân chính, chúng ta thấy chế độ TT Tưởng Giới Thạch và chế độ cộng sản đã và đang áp dụng. Người đứng đầu chế độ cộng sản cũng là Chủ tịch Hội Đồng Quân Ủy. Hệ thống Dân Chính, tại các chế độ dân chủ như Hoa Kỳ, Tổng Thống, đại diện đảng cầm quyền, tuy được dân bầu chọn một cách tự do, cũng là Tổng Tư Lệnh Quân Đội. Tuy nhiên, khi đấu tranh trong hoà bình, cách tổ chức như Giáo Hội La Mã, và các ngoại vi về y tế, xã hội, giáo dục, cũng rất chặt chẽ và hiệu quả cho cuộc đấu tranh cách mạng.

❖ Để chiến thắng những tập thể đại ác, Ta phải có tổ chức tinh vi hùng mạnh, hơn Kẻ Ác; phải biết cách hóa giải được các thủ đoạn của kẻ ác, đồng thời phải dũng mãnh hành động hầu giải thể được kẻ ác. (Áp dụng biện chứng phủ định của phủ định trong Phi Thường Thái). Chiến thắng rồi, chúng ta mới áp dụng được tinh thần nhân đạo và giáo dưỡng để xây dựng dân tộc.

*Tiến Sĩ Hà Thế Duyệt
Tự Thái Kinh Dương*